VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HOÀNG LONG

GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HOÀNG LONG

GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngành: Luật kinh tế
Mã số: 8.38.01.07

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN THANH BÌNH

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng các nội dung được trình bày trong Luận văn "**Giá trị pháp lý con dấu của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay**" là công trình nghiên cứu của riêng rôi dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Thanh Bình. Mọi số liệu dẫn chứng thể hiện trong Luận văn là trung thực và được chú thích nguồn đầy đủ.

Tác giả luận văn

Nguyễn Hoàng Long

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thành Luận văn này, tôi nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của quý thầy cô, các bạn trong lớp Cao học Luật K7.1 và anh chị em. Thông qua bài viết này, cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám đốc Học Viện, quý thầy cô đã nhiệt tình giảng dạy, truyền đạt nhiều kiến thức bổ ích cho tôi trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, xin trân trọng cảm ơn TS. Nguyễn Thanh Bình, giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học, người đã nhiệt tình hướng dẫn, định hướng cho tôi trong suốt quá trình hoàn thành Luận văn.

Xin kính chúc ban Giám đốc Học Viện Khoa Học Xã Hội, quý thầy cô, các bạn lớp Cao Học Luật khóa 1 năm 2016, cùng Thầy Nguyễn Thanh Bình luôn mạnh khỏe và thành công.

Mặc dù đã rất cố gắng hoàn thành tốt luận văn này, nhưng sẽ không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự quan tâm và đóng góp của quý thầy cô để có giúp tôi hoàn thành luận văn và bổ sung thêm nhiều kiến thức quý báu.

Xin chân thành cảm ơn!.

Tác giả luận văn

Nguyễn Hoàng Long

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 6

1.1. Khái quát chung về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp 6

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm con dấu doanh nghiệp 6

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp 12

1.2. Một số nội dung cơ bản về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp . 15

1.2.1. Giá trị pháp lý của văn bản, tài liệu có con dấu của doanh nghiệp 15

1.2.2. Đăng ký, chấm dứt và hủy con dấu doanh nghiệp 24

1.3. Sự khác biệt về giá trị pháp lý giữa con dấu doanh nghiệp với con dấu của các cơ quan, tổ chức khác 28

Chương 2: THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ TRONG SỬ DỤNG CON DẤU DOANH NGHIỆP 32

2.1. Pháp luật quy định sử dụng con dấu doanh nghiệp 32

2.1.1. Đối tượng liên quan đến sử dụng con dấu doanh nghiệp 32

2.1.2. Chủ thể sử dụng con dấu doanh nghiệp 34

2.1.3. Các quy định sử dụng con dấu doanh nghiệp trong hợp đồng 39

2.1.4. Quy định về giải quyết tranh chấp và các vấn đề khác liên quan đến con dấu doanh nghiệp 43

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về sử dụng con dấu doanh nghiệp hiện nay 48

2.2.1. Kết quả đạt được trong quá trình áp dụng quy định pháp luật về sử dụng con dấu doanh nghiệp 48

2.2.2. Hạn chế, bất cập trong quá trình áp dụng quy định pháp luật về sử dụng con dấu doanh nghiệp 50
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM 57
3.1. Định hướng chung 57
3.2. Các giải pháp cụ thể hoàn thiện quy định pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp 59
3.2.1. Hoàn thiện về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp 59
3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp 62
3.2.3. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế đảm bảo giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp 62
KẾT LUẬN 66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	**:** Bộ luật dân sự
BLHS	**:** Bộ luật hình sự
DN	**:** Doanh nghiệp
ĐHCĐ	**:** Đại hội cổ đông
CTCP	**:** Công ty cổ phần
HCM	**:** Hồ Chí Minh
HĐQT	**:** Hội đồng quản trị
LDN	**:** Luật danh nghiệp
TAND	**:** Tòa án nhân dân
TCTD	**:** Tổ chức tín dụng
TNHH	**:** Trách nhiệm hữu hạn
TTBCA	**:** Thông tư Bộ Công an
TTXH	**:** Trật trự xã hội
VAT	**:** Thuế giá trị gia tăng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, các giao dịch kinh doanh thương mại, dân sự luôn có xu hướng gia tăng về số lượng và tính phức tạp. Cùng với đó, có nhiều nguyên nhân khác nhau, nguy cơ xảy ra tranh chấp trong các giao dịch này cũng ngày một gia tăng. Khi đã xảy ra tranh chấp, một loạt các vấn đề phát sinh mà hậu quả của nó chính là việc làm mất thời gian, chi phí, gây tổn hại đến uy tín, danh dự của doanh nghiệp khi tham gia giao kết, đồng thời gây mất ổn định của nền kinh tế thị trường. Một trong những vấn đề thường trực liên quan đến giá trị pháp lý của hợp đồng do doanh nghiệp xác lập đó là sự hiện diện của con dấu doanh nghiệp.

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã loại bỏ chế định về sử dụng con dấu trong các giao dịch giao kết giữa các chủ thể với doanh nghiệp. Với xu thế chung của thế giới là phương thức giao dịch điện tử, thì việc cải cách về con dấu doanh nghiệp là hoàn toàn phù hợp, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp hoạt động. Thời điểm trước năm 2014 Việt Nam hiện là một trong 7 quốc gia còn lại trên thế giới còn giữ quy định bắt buộc sử dụng con đấu trong doanh nghiệp, khi Luật doanh nghiệp 2014 chính thức được ban hành và có hiệu lực, một những cải cách tích cực nổi bật của Luật này là về con dấu doanh nghiệp. Với quy định tại Điều 44 nêu trên của Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định hướng dẫn tại các Nghị định như Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp đã cởi trói cho con dấu doanh nghiệp, đã trao cho doanh nghiệp phần lớn quyền tự quyết các vấn đề có liên quan đến con dấu.

Tuy vậy, qua thực tế kể từ khi Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thực thi, dường như các doanh nghiệp vẫn chưa tận dụng triệt để cải cách tiến bộ này, chưa có nhiều sự thay đổi, chuyển biến rõ nét, tích cực về việc quản lý và sử dụng con dấu của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp vẫn còn phụ thuộc vào hình thức, nội dung của con dấu theo quy định cũ. Nguyên nhân một phần là các doanh nghiệp ngại thay đổi nhưng một phần cũng là do cải cách của Luật doanh nghiệp 2014 mặc dù có tiến bộ nhưng chưa thật sự triệt để. Điều đó cho thấy khi Luật doanh nghiệp 2014 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi đạo luật khác trong tương lai, vấn đề về con dấu doanh nghiệp vẫn phải cần được tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi theo hướng triệt để hơn.

Xuất phát từ thực tế này, tác giả đã chọn đề tài ***Giá trị pháp lý con dấu của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay*** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đã có một số bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành về một số khía cạnh có liên quan đến giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp như:

- Tác giả Võ Trung Tín, Kiều Anh Vũ với bài viết *"Bàn về con dấu của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các quy định khác có liên quan"* đăng trên tạp chí Khoa học pháp lý Số 2/2016 [tr. 33 – 42], Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu các quy định về con dấu của doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đưa ra kiến nghị hoàn thiện những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến con dấu của doanh nghiệp.

- Tác giả Nguyễn Tuấn Vũ với bài viết *"Quyền của doanh nghiệp đối với con dấu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan"* đăng trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật Số 3/2016 [tr. 56 – 61] Viện Nhà nước và Pháp luật, Bài viết làm rõ những điểm mới và mối

quan hệ của Luật Doanh nghiệp 2014 với các quy định khác của pháp luật về con dấu, quản lý và sử dụng con dấu, qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan.

- Tác giả Nguyễn Như Bích với bài viết *"Về việc xác định thẩm quyền xử lý đối với hành vi vi phạm về quản lý và sử dụng con dấu liên quan đến tranh chấp trong nội bộ công ty"* đăng trên tạp chí Tòa án nhân dân Số 15/2013 [tr. 21 – 26] Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, trong khoa học pháp lý nói chung thì các vấn đề về doanh nghiệp không còn là những vấn đề nghiên cứu hoàn toàn mới. Nhưng riêng vấn đề ***Giá trị pháp lý con dấu của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam hiện nay*** thì vẫn là đề tài cần nghiên cứu chuyên biệt và rõ ràng. Vì vậy, có thể nói vấn đề mà đề tài tác giả tiến hành nghiên cứu dưới một góc độ nào đó vẫn có tính mới và mang tính cấp thiết trong khoa học pháp lý Việt Nam, và như vậy nó cần được quan tâm hợp lý.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn

Thứ nhất, luận văn làm rõ những vấn đề lý luận khái quát về con dấu doanh nghiệp; giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp.

Thứ hai, luận văn đánh giá thực trạng quy định pháp luật liên quan tới giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã được nghiên cứu, luận văn đưa ra định hướng và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp tại Việt Nam.

Nhiệm vụ của luận văn

- Xác định nội dung và làm rõ một số vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm có liên quan tới giá trị pháp lý con dấu doanh ngiệp.

- Phân tích, làm rõ các hạn chế, bất cập, đánh giá thực trạng xác định luật áp dụng trong sử dụng con dấu doanh nghiệp trong giao dịch ở Việt Nam.

- Từ những vướng mắc, bất cập giữa lý luận và thực trạng đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng của luận văn chính là giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp.

Luận văn không đi nghiên cứu mọi vấn đề liên quan đến con dấu của doanh nghiệp mà chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về: giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, làm rõ hơn pháp luật nước ta về xác định luật áp dụng trong sử dụng con dấu doanh nghiệp trong giao dịch theo Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Đồng thời phân tích, so sánh với các quy định về xác định luật trong sử dụng con dấu doanh nghiệp trong giao dịch một số nước trên thế giới.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dựa trên các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử theo quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin: Ngoài ra, trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu:

+ *Phương pháp phân tích, tổng hợp* được sử dụng khi phân tích các vấn đề liên quan đến giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và khái quát những nội dung cơ bản của từng vấn đề được nghiên cứu trong luận văn;

+ *Phương pháp so sánh* được thực hiện nhằm tìm hiểu qui định của pháp luật hiện hành với hệ thống pháp luật trước đây ở Việt Nam cũng như pháp luật của một số nước khác qui định về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp;

+ *Phương pháp thống kê* được thực hiện trong quá trình khảo sát thực tiễn trong sử dụng con dấu doanh nghiệp trong giao dịch, với các số liệu cụ thể. Tìm ra mối liên hệ giữa các qui định của pháp luật với thực tiễn áp dụng đã phù hợp hay chưa? Các lý do? Từ đó mà xem xét nội dung qui định của pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp, với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về vấn đề này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam về giá trị pháp lý trong sử dụng con dấu doanh nghiệp

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

Chương 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm con dấu doanh nghiệp

Một khái niệm khác về con dấu công ty như sau: "Con dấu doanh nghiệp là một công cụ dùng để đóng dấu hoặc dập nổi tài liệu quan trọng của doanh nghiệp nhằm chứng minh tài liệu được sự đồng ý của Hội đồng quản trị (the Board of Directors of the company)" Khái niệm này thể hiện về quyền lực của con dấu công ty, đó là thể hiện ý chí của Hội đồng quản trị (the Board of Directors of the company) hay của nhóm đứng đầu doanh nghiệp với sự thỏa thuận và biểu quyết dân chủ chứ không phải các cá nhân. Như vậy, trường hợp các cá nhân như giám đốc công ty thực hiện quyết định thì cần có sự thỏa thuận, cho phép, ủy quyền bằng văn bản có đóng dấu của Hội đồng quản trị. Quy định này nhằm nêu ra quyền lực tối cao quyết định và điều khiển doanh nghiệp thuộc về "nhóm" Hội đồng quản trị - những người thực sự góp vốn xây dựng doanh nghiệp nhằm tránh các tranh chấp, lạm quyền. Về hình thức con dấu, con dấu có thể là dùng con dấu đóng lên văn bản hoặc là dập nổi lên văn bản. Với sự phát triển của công nghệ quốc tế, con dấu đóng lên văn bản không bị giới hạn bởi cách thức là con dấu đóng trực tiếp lên văn bản. Hiện tại, con dấu hiện đại nhất theo công nghệ 4.0 là con dấu kỹ thuật số. Ấn tượng của con dấu kỹ thuật số trông giống như con dấu cũ - nó có tên doanh nghiệp theo hình tròn quanh con dấu hoặc hình vuông (tùy theo thiết kế doanh nghiệp). Với phiên bản kỹ thuật số, người sử dụng có thể dễ dàng gắn dấu vào đầu thư, tài liệu doanh nghiệp. Đảm bảo rằng các giấy tờ được đóng dấu và ký hiệu đúng bởi người có thẩm quyền, vì chỉ người nắm con dấu kỹ

thuật số mới thực hiện việc đóng dấu được. Điều này hạn chế việc gian lận trong quá trình điều hành hoạt động của công ty

Trên thế giới, con dấu ra đời và phát triển song song với quá trình phát triển của lịch sử loài người. Con dấu được hình thành và sử dụng từ khi xã hội có sự phân hóa thành các giai cấp và nhà nước ra đời (tức là xã hội cộng sản nguyên thủy bị thay thế bởi chế độ chiếm hữu nô lệ). Khi nhà nước ra đời, văn bản được sử dụng như một công cụ truyền đạt thông tin và mang chức năng quản lý nhà nước. Tuy nhiên, chỉ có văn bản không thì không đủ thể hiện giá trị cũng như tầm quan trọng của thông tin, chính vì thế con dấu ra đời với chức năng nhận biết văn bản nhà nước.

Con dấu được sử dụng cho mục đích chính trị lần đầu tiên ở Nhật Bản là vào thời Nara, thế kỷ thứ 8. Khi đó, hệ thống chính quyền ở Nhật được xây dựng dựa theo mô hình vương triều của Trung Quốc. Lúc bấy giờ, do con dấu là biểu tượng cho quyền lực của người đứng đầu đất nước nên chỉ có Nhật hoàng sử dụng nó. Con dấu được dùng để xác nhận chỉ dụ do Nhật hoàng ban ra. Đến giữa thế kỷ thứ 8, giới quý tộc ở Nhật Bản mới được phép dùng con dấu của riêng họ. Đến thời Edo, thế kỷ 17, con dấu bắt đầu được dùng trong dân chúng. Điển hình là trong giao dịch mua bán, các thương nhân sử dụng con dấu để xác nhận đơn hàng, hóa đơn thanh toán tiền. Mỗi doanh nghiệp có con dấu riêng, thế là hàng loạt con dấu với đủ kiểu dáng khác nhau ra đời.

Ở Việt Nam, con dấu cũng đã xuất hiện từ rất sớm. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ học về 6 con dấu được tìm thấy ở Thanh Hóa thì con dấu được xác định là xuất hiện từ những năm 257 – 147 trước Công Nguyên.

Vào thời phong kiến, con dấu là biểu hiện của quyền lực triều đình, quyền uy của hoàng đế, vật tượng trưng cho sức mạnh của các vị vua. Con dấu được coi như yếu tố thông tin quan trọng đảm bảo hiệu lực quản lý và

tính chân thực, nguyên chất của văn bản. Con dấu tồn tại qua các thời đại lịch sử: Nhà Trần (1225- 1400), Nhà Lê (1428 – 1507), Triều Nguyễn (1802 – 1945)…Mỗi giai đoạn lịch sử và mỗi chế độ nhà nước các con dấu được thể hiện và truyền lại đến nay như là bằng chứng lịch sử và mang trong mình những câu chuyện lịch sử khác nhau.

Ở mỗi vị trí quyền lực khác nhau thì con dấu sở hữu là khác nhau. Điều đó thể hiện ở hình dáng, khích thước, chất liệu mẫu khắc dấu. Dấu được mã hóa theo từng loại hình, nội dung và tính chất của văn bản. Trong đó, con dấu của Hoàng Đế được coi là bảo vật quý giá, mô tả quyền uy tối thượng. Dấu của Vua được dùng để xác định giá trị của các văn bản quan trọng về vấn đề ngoại giao, an ninh, quốc phòng. Khi Vua truyền ngôi cho người kế vị thì con dấu cũng được chuyển giao theo quy định.

Năm 1945 cách mạng tháng 8 thành công, Nhân dân ta thoát sự xiềng xích một cổ 3 tròng của Thực dân pháp, Nhật và phong kiến. Trong lễ thoái vị Vua Bảo Đại đã giao lại con dấu cho chính phủ cách mạng. Ngày nay trong xã hội xuất hiện nhiều con dấu, với nhiều hình thức sử dụng khác nhau mang ý nghĩa nhất định. Con dấu được sử dụng phổ biến trong quá trình quản lí điều hành của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp chứ không chỉ là công cụ quản lí của nhà nước như thời phong kiến nữa. Tuy nhiên, dù xuất hiện ít hay nhiều thì con dấu vẫn mang giá trị cốt yếu của nó là thể hiện quyền của người sở hữu.

Từ điển bách khoa Công an nhân dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2005 cho rằng: *con dấu vật làm bằng gỗ, kim loại, cao su… mặt dưới hình tròn hoặc hình vuông, hoặc hình chữ nhật… theo những kích cỡ nhất định, có khắc chữ hoặc hình, được dùng in trên giấy tờ để làm bằng, làm tin trong quan hệ giao dịch giữa các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị vũ trang và tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội.* Đây là khái niệm miêu tả khá đầy đủ, chi tiết

cả về hình thức lẫn nội dung của con dấu. Con dấu được quản lí chặt chẽ từ việc khắc đến việc sử dụng. Tuy nhiên khái niệm này giới hạn giá trị pháp lý của con dấu khi chỉ đề cập tới việc sử dụng con dấu trong các giao dịch dân sự mà chưa bao hàm tới việc sử dụng con dấu trong công tác nội bộ của chủ thể sở hữu con dấu. Ở Việt Nam, con dấu được sử dụng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, hội quần chúng, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang, cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và một số chức danh nhà nước.

Khái niệm con dấu đã được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, *con dấu là phương tiện đặc biệt do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, quản lý, được sử dụng để đóng trên văn bản, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.* Quy định khái niệm con dấu này đi sâu vào giải thích xuất xứ, chức năng cũng như phạm vi chủ thể có quyền sử dụng con dấu nói chung. Khái niệm đã lược bỏ mô tả chi tiết về đặc điểm vật lý của con dấu cũng như giá trị pháp lý của con dấu trong quá trình sử dụng. Nó cho thấy con dấu có thể được các cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng trong hoạt động của mình trong đó có doanh nghiệp.

Hiện nay, Việt Nam đang hội nhập với công nghệ 4.0. Nền công nghệ này sẽ ảnh hưởng đến những thủ tục, quan điểm về con dấu doanh nghiệp. Nguy cơ đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam trong nền công nghiệp 4.0 chính là quá trình tự động hóa sẽ triệt tiêu nhiều vị trí công việc truyền thống. Cách thức tổ chức, quản lý dùng công nghệ cũng sẽ ảnh hưởng rõ rệt tạo nên khoảng cách trong tăng trưởng giữa các doanh nghiệp. Một trong số bị ảnh hưởng là khái niệm lại con dấu doanh nghiệp, về hình thức và cách thức sử dụng để theo kịp tốc độ hiện đại hóa của thị trường. Một trong những xuất hiện khởi đầu là “chữ ký số” hay còn gọi là “chữ ký điện tử”. Việt Nam đã có

Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005; Nghị định 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Khi tiến hành giao dịch điện tử trong hoạt động công cộng, người sử dụng là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải sử dụng chữ ký số công cộng do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp, hiện tại gần như hầu hết các doanh nghiệp đều phải kê khai thuế qua mạng. Trong thời đại Công nghệ thông tin hiện nay thì việc rút ngắn khoảng cách giữa không gian, thời gian luôn là một đòi hỏi cấp thiết trong công việc kinh doanh. Chữ ký số ra đời đã giúp cho Doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian, công sức trong một số công việc giao dịch với Ngân hàng, cơ quan hành chính. Ở các nước phát triển, họ thậm chí còn quy định các doanh nghiệp không bắt buộc sử dụng con dấu doanh nghiệp hoặc sử dụng con dấu kỹ thuật số "the digital seal", nếu doanh nghiệp vẫn sử dụng con dấu thì cần phải tuân thủ các quy tắc khi sử dụng con dấu. Có thể thấy, khi công nghệ và kinh tế phát triển, các thủ tục liên quan đến con dấu được tối giản và yêu cầu hệ thống pháp luật ngày càng tinh anh hơn Đồng thời, người tham gia các quan hệ pháp luật cần ý thức tự giác thực hiện đúng quy định pháp luật và chịu chịu trách nhiệm về hành vi mình thực hiện.

Trong giai đoạn hiện tại, Chính phủ Việt Nam và các ban ngành đã có nhiều chính sách đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại Việt Nam. Nhưng doanh nghiệp công nghệ thông tin và doanh nghiệp ứng dụng đa ngành nghề Việt Nam vẫn thiếu nhiều điểm giao thoa trong việc hiểu và ứng dụng.

Ngoài ra theo quy định và quan niệm trước đây hình thức của mẫu dấu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định ở đây là Bộ công an. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển kinh tế hiện nay thì quan niệm này đã dần thay đổi và thế chỗ cho những quan điểm tiến bộ cũng như tạo điều kiện kinh doanh

thuận lợi cho doanh nghiệp hiện nay hơn nữa. Theo đó theo quy định hiện hành trên thì miễn là trên con dấu của mình doanh nghiệp đáp ứng được hai nội dung là tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp. Hình dạng con dấu có thể khác nhau: vuông, tròn, tam giác, tứ giác…; kích thước: to, nhỏ và trên con dấu có các thông tin khác ngoài tên, mã số doanh nghiệp hay không đều do doanh nghiệp tự quyết định và đều được coi là hợp pháp. Tuy pháp luật trao quyền tự chủ trong việc quyết định hình thức, nội dung con dấu cho doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng cần lưu ý không sử dụng những hình ảnh, thông tin vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc hay quy định của các cơ quan nhà nước.

Thông qua hai khái niệm trên có thể rút ra khái niệm con dấu doanh nghiệp như sau: *Con dấu doanh nghiệp là phương tiện đặc biệt do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và quản lý cho các tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh để đóng trên văn bản, giấy tờ của mình.*

Với quá trình hình thành và phát triển cũng như căn cứ vào khái niệm của nước ta hiện nay về con dấu có thể rút ra những đặc điểm đặc trưng của con dấu doanh nghiệp bao gồm:

- Tính xác định giá trị pháp lý cho văn bản của doanh nghiệp: con dấu là tài sản của doanh nghiệp, chứng minh về giá trị pháp lý của văn bản. Một văn bản của doanh nghiệp được ban hành hay được lập nên thường hướng tới những mục đích nhất định và mục đích đó có được thực thi, ghi nhận và bảo hộ trên thực tế hay không phụ thuộc vào giá trị pháp lý của nó. Giá trị pháp lý của một văn bản thường được xác định bởi những điều kiện nhất định và con dấu chính là một trong những điều kiện đó. Điều đó có nghĩa là những văn bản có con dấu mới có giá trị pháp lý và ngược lại.

- Là phương tiện đặc biệt phải được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định pháp luật. Xuất phát từ tính xác định giá trị pháp lý cho văn bản nêu trên của con dấu cho thấy vai trò cũng như vị trí của con dấu đối với doanh nghiệp sở hữu con dấu trong hoạt động kinh doanh hay hoạt động nội bộ khác của mình. Cho nên, con dấu cần được đặt dưới chế độ quản lý, đăng ký chặt chẽ nhằm ngăn chặn, hạn chế hiện tượng lạm dụng con dấu doanh nghiệp bị sử dụng cho mục đích tư xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác cũng như bảo vệ chính quyền lợi của chủ sở hữu con dấu trong trường hợp bị làm giả.

- Tính nhận diện cho doanh nghiệp sở hữu con dấu. Theo quy định pháp luật nước ta hiện nay có hai loại con dấu đó là con dấu có quốc huy và không có quốc huy và dấu của doanh nghiệp là dấu không có quốc huy. Một trong những nội dung được thể hiện trên con dấu chính là tên và mã số doanh nghiệp. Và pháp luật doanh nghiệp quy định một trong những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp đó chính là không được đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký. Điều đó cho thấy mỗi con dấu sẽ mang một đặc điểm nhận diện cho doanh nghiệp chính là tên doanh nghiệp và sẽ không có con dấu nào bị trùng lặp do có nội dung khác nhau thể hiện trên mặt dấu.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp

Giá trị là một khái niệm trừu tượng, là ý nghĩa của sự vật trên phương diện phù hợp với nhu cầu của con người. Có rất nhiều loại giá trị trong kinh tế học và triết học, nghĩa của các khái niệm này cũng được phát triển mở rộng ra. Trong đó có các loại khái niệm về giá trị tiêu biểu đó là:

- *Giá trị của hàng hoá* là một thuộc tính của hàng hoá, đó chính là lao động hao phí của người sản xuất để sản xuất ra nó đã được kết tinh vào trong hàng hoá. Giá trị của hàng hoá là giá trị lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra

hàng hoá đó và tính bằng thời gian lao động xã hội cần thiết. Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian lao động xã hội trung bình để sản xuất ra hàng hoá.

- *Giá trị sử dụng* của một vật phẩm là tính chất có ích, công dụng của vật thể đó có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó cho việc sản xuất hoặc cho sự tiêu dùng cá nhân. Giá trị sử dụng được quyết định bởi những thuộc tính tự nhiên và những thuộc tính mà con người hoạt động tạo ra cho nó.

- *Giá trị trao đổi* là một quan hệ về số lượng, là tỉ lệ theo đó một giá trị sử dụng loại hàng hoá này được trao đổi với một giá trị sử dụng khác, trên một cơ sở chung, cái chung đó là lao động (thời gian lao động và công sức lao động) được chứa đựng trong hàng hoá, đó chính là cơ sở giá trị của hàng hoá. Đây là khái niệm được khẳng định trong các giáo trình kinh tế chính trị. Nếu xét nó trên quan điểm của trường phái hiệu dụng biên thì vẫn đạt được lý lẽ hoàn chỉnh. Theo đó, đối tượng chung của nhu cầu có trong các cá nhân khác nhau vẫn đảm bảo cơ sở cho trao đổi.

Theo quan điểm của tác giả, giá trị pháp lý chính là khả năng mà một đối tượng vật chất nhất định được pháp luật công nhận và bảo hộ trong một quan hệ pháp luật nhất định. Điều đó cho thấy không phải mọi đối tượng đều có thể chứa đựng giá trị pháp lý mà cần phải đáp ứng những quy định của pháp luật nhất định để sở hữu giá trị pháp lý.

Qua đó tác giả cũng rút ra được khái niệm của *giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp là khả năng mà phương tiện sử dụng để đóng dấu vào các văn bản, tài liệu của doanh nghiệp được pháp luật công nhận và bảo hộ trong quá trình sử dụng.*

Thông qua khái niệm có thể rút ra những đặc điểm giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp cụ thể gồm có:

- *Tính không thể định lượng hay định hình*

Như đã nêu, giá trị pháp lý là khả năng mà một đối tượng vật chất nhất định được pháp luật công nhận và bảo hộ trong một quan hệ pháp luật nhất định. Tức đó là một giá trị mang tính trừu tượng và là một dạng giá trị tinh thần cho nên nó không thể nhìn thấy hoặc nắm bắt được bằng giác quan của con người. Và đối tượng vật chất chứa đựng giá trị pháp lý cũng không xác định theo hướng chứa đựng nhiều hay ít giá trị pháp lý mà chỉ xác định theo hướng có hay không có giá trị pháp lý mà thôi. Nó khác hoàn toàn với các loại giá trị còn lại có thể được định lượng thông qua một đơn vị quy đổi nhất định tùy thuộc vào đặc tính của từng loại giá trị.

- *Tính luật định*

Xuất phát ngay từ chính thuật ngữ "giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp" có thể khẳng định giá trị pháp lý là loại giá trị liên quan tới pháp luật và là đối tượng bảo hộ của luật pháp. Giá trị pháp lý chính là lợi ích mà nhà nước trao cho đối tượng chứa đựng loại giá trị này. Và nhà nước quản lý mọi mối quan hệ phát sinh trong xã hội hay ghi nhận về quyền quản lý của mình đối với mọi quan hệ xã hội thông qua pháp luật. Vì vậy, nếu trong hệ thống pháp luật mà nhà nước ban hành không chứa đựng những quy định cụ thể về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp nói riêng hay bất kỳ giá trị pháp lý của đối tượng khác nói chung có nghĩa đối tượng đó không nằm trong phạm vi quản lý của nhà nước và đương nhiên sẽ không được nhà nước bảo hộ. Cho nên, giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp phải được pháp luật quy định chặt chẽ tại các văn bản pháp lý chuyên ngành có liên quan.

- *Tính có điều kiện*

Giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp là loại giá trị có điều kiện bởi vai trò của nó có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sử dụng con dấu sau này. Nếu bất kỳ con dấu nào được ban hành trên thực tế đều không cần đảm bảo những điều kiện nhất định sẽ chính là nguy cơ tiềm ẩn cho việc sử dụng con dấu một

cách bừa bãi, vô tổ chức để xác lập những quyền hạn hay nghĩa vụ trục lợi hay gây thiệt hại tới lợi ích của doanh nghiệp. Cho nên, con dấu của doanh nghiệp muốn sở hữu giá trị pháp lý thì phải đáp ứng những điều kiện nhất định và những điều kiện này phải được pháp luật hoặc văn bản có giá trị tương ứng quy định.

1.2. Một số nội dung cơ bản về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

1.2.1. Giá trị pháp lý của văn bản, tài liệu có con dấu của doanh nghiệp

Con dấu là một trong những phương tiện cũng như tài sản của doanh nghiệp giúp các văn bản của doanh nghiệp giao kết hoặc ban hành được khẳng định, đảm bảo về tính chính xác và chịu trách nhiệm pháp luật với các bên còn lại trong quan hệ nhất định. Mỗi một văn bản được doanh nghiệp đóng dấu, thì khi đó mọi trách nhiệm của doanh nghiệp liên quan đến văn bản đó sẽ được thực thi bởi chính doanh nghiệp hoặc chịu trách nhiệm cho văn bản đó.

Ngược lại, nếu văn bản doanh nghiệp ban hành, ký kết gửi đến hoặc giao kết với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân mà không đóng dấu của doanh nghiệp thì không có giá trị pháp lý và bên còn lại hoặc người nhận văn bản có quyền không thực hiện.

Theo luật pháp Việt Nam quy định dấu thể hiện vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ . Mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đều có thể khắc dấu. Căn cứ vào dấu, chức danh chúng ta có thể phân biệt được quyền lực của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp đó. Dấu là thành phần giúp cho công việc chống giả mạo văn bản, là công cụ quan trọng để phân biệt tài liệu thật, giả; đấu tranh chống lại kẻ gian, làm giả tài liệu và các hành vi phi pháp gian lận… Con dấu được sử dụng trên văn bản giúp xác định

văn bản đó có hiệu lực, đáng tin cậy, khách hàng có thể nhận biết được đây những văn bản chính xác, đáng tin, yên tâm hơn trong mua bán sản xuất.

Vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý của con dấu được thể hiện như thế nào? Nếu một người đại diện pháp nhân ký hợp đồng với đối tác nhưng hợp đồng không được đóng dấu của pháp nhân thì hợp đồng có giá trị pháp lý, có hợp pháp hay không? Hiện chưa có quy định pháp luật nào điều chỉnh hay hướng dẫn về vấn đề này. Trên thực tế rõ ràng là tất cả các văn bản, tài liệu của các cơ quan, tổ chức đều cần được đóng dấu trên chữ ký. Nhưng cũng không có văn bản nào nói rằng hợp đồng chỉ có chữ ký của người đại diện theo pháp nhân mà không đóng dấu pháp nhân thì vô hiệu. Ngược lại, đôi khi chỉ cần thấy dấu hợp lệ trên văn bản thì người tiếp nhận hồ sơ cũng không cần kiểm tra thẩm quyền của người ký. Đại đa số mọi người coi con dấu là công cụ bảo chứng cho chữ ký của người đứng tên trên bất kỳ văn bản nào của doanh nghiệp. Đây là một thực trạng khá phổ biến ở Việt Nam. Tuy nhiên, về vấn đề này cũng có thể nói thêm, về mặt bản chất người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được toàn quyền thay mặt công ty ký kết các hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty nhưng nếu họ ký hợp đồng với tư cách cá nhân sinh lợi cho cá nhân mà không ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty thì hợp đồng đó hoàn toàn có thể thực hiện được. Hiện nay, con dấu đang trở thành một trong những nội dung ảnh hưởng đến chỉ số xếp hạng về mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới cũng không xem con dấu là một quy định bắt buộc đối với doanh nghiệp. Cho nên, văn bản tài liệu của doanh nghiệp nếu không có con dấu thì cũng không vì thế mà không có giá trị. Việc xác định chữ ký của người có thẩm quyền sẽ được căn cứ vào kết quả giám định, chữ ký mẫu hoặc các văn bản nội bộ của doanh nghiệp về phân định thẩm quyền.

Tuy nhiên, sau khi Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thì quy định về giá trị pháp lý của văn bản, tài liệu có con dấu doanh nghiệp cũng đã được bổ sung và thay đổi nhiều so với trước đây. Trước đây, việc quy định về con dấu doanh nghiệp mang nặng tính hình thức, hầu như các văn bản, hợp đồng của các doanh nghiệp bắt buộc phải có con dấu. Các văn bản nội bộ doanh nghiệp, hợp đồng giao dịch của doanh nghiệp chỉ có giá trị pháp lý khi nó tồn tại con dấu của doanh nghiệp. Có thể nói ở thời điểm trước kia, con dấu doanh nghiệp có giá trị pháp lý cao hơn cả chữ ký của người có thẩm quyền, trường hợp có chữ ký của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp nhưng không có con dấu thì xem như văn bản, hợp đồng đó vô giá trị (không có giá trị pháp lý). Cho đến nay theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 cũng như các văn bản pháp luật có liên quan thì việc đóng dấu trong văn bản, tài liệu của doanh nghiệp được thực hiện dựa trên thỏa thuận giữa các bên có liên quan tới nội dung của văn bản.

Liên quan đến giá trị pháp lý của con dấu theo quy định pháp luật một số nước trên thế giới có thể tham khảo một số quốc gia như:

- Vương quốc Anh bãi bỏ việc doanh nghiệp bắt buộc phải sử dụng con dấu kể từ năm 1989. Theo quy định của Luật Công ty 2006 của Anh: doanh nghiệp không bắt buộc phải có con dấu; tuy nhiên, nếu doanh nghiệp có con dấu thì nội dung của con dấu phải tuân thủ một số nguyên tắc chung. Luật này cũng quy định con dấu doanh nghiệp và chữ ký của người có thẩm quyền có giá trị ngang nhau trong việc khẳng định giá trị pháp lý của văn bản do doanh nghiệp ban hành.

Liên quan đến giá trị pháp lý của tài liệu theo *Luật của nước Anh và xứ Wales hay Bắc Ireland, một tài liệu có giá trị pháp lý được ban hành bởi một công ty*

(a) bằng cách đóng dấu con dấu bằng con dấu của doanh nghiệp, hoặc

(b) bằng cách ký vào tài liệu theo quy định tại các khoản dưới đây.

(2) Một tài liệu của doanh nghiệp được coi là có giá trị pháp lý nếu nó được ký thay mặt cho doanh nghiệp

(a) bởi hai người có thẩm quyền ký, hoặc

(b) bởi một giám đốc doanh nghiệp trước sự chứng kiến của những người sẽ chứng thực cho chữ ký đó.

(3) Những người sau là người có thẩm quyền ký với mục đích được nêu ở khoản 2 điều này

(a) tất cả các giám đốc của doanh nghiệp, và

(b) đối với doanh nghiệp tư nhân với một thư ký hoặc một doanh nghiệp công cộng, là người thư ký (hoặc bất cứ người đồng thư ký nào khác) của doanh nghiệp.

- Quy định của Hồng Kông: Theo Pháp lệnh Công ty (622) - Companies Ordinance (622) của Hồng Kông, công ty không bắt buộc phải có con dấu chung (common seal). Theo quy định, con dấu phải được làm bằng kim loại, được khắc chữ tên công ty một cách rõ ràng, dễ nhìn. Nếu hình thức con dấu không đúng quy định thì các cá nhân liên quan sẽ bị vi phạm pháp luật và phải chịu mức phạt ở mức độ 3. Nếu tiếp tục vi phạm sẽ bị phạt HK$300 mỗi ngày cho đến khi khắc phục hành vi vi phạm đó.

Ngoài ra, Pháp lệnh Công ty Hồng Kông cho phép công ty đã có con dấu chung có thể có con dấu chính thức (official seal) để sử dụng ở nước ngoài. Con dấu chính thức đó phải là bản sao của con dấu chung của công ty, nhưng có khắc rõ ràng tên địa điểm nơi con dấu này sẽ được sử dụng.

- Theo Luật Công ty 2001 – Corporation Act 2001 nước Úc, công ty không bắt buộc phải có con dấu, nếu có 1 con dấu thì nó phải là con dấu chung của công ty (common seal). Theo quy định, con dấu phải có tên công ty, mã số công ty ACN (Australian Company Number) hoặc mã số kinh

doanh ABN (Australian Business Number). Công ty có thể ký kết hợp đồng mà không cần sử dụng con dấu. Trường hợp công ty nhân bản con dấu chung thì các con dấu nhân bản phải được ghi rõ tương ứng là "duplicate seal" hoặc "share seal" hoặc "certificate seal".

Điều 123: Công ty có thể có con dấu chung

(1) Công ty có thể có con dấu chung. Nếu công ty có con dấu chung, con dấu của công ty phải thể hiện các thông tin sau:

(a) tên công ty nếu trong tên công ty đã bao gồm mã ACN; hoặc

(b) nếu không, có tên công ty và có một trong các thông tin sau: (i) có dòng chữ "Australian Company Number" và mã ACN của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) nếu 9 ký tự cuối của mã ABN của doanh nghiệp trùng với 9 ký tự cuối của mã CAN của doanh nghiệp đó thì con dấu phải có dòng chữ "Australian Business Number" và mã ABN của doanh nghiệp

Lưu ý 1: Công ty có thể ký kết hợp đồng và các tài liệu mà không cần con dấu (xem Điều 126 và Điều 127)

Lưu ý 2: Quy định về chữ viết tắt trên con dấu, xem Điều 149.

(2) Công ty có thể có thêm con dấu thứ hai. Con dấu thứ hai phải là bản sao của con dấu chung với cụm từ: "duplicate seal" hoặc "share seal" hoặc "certificate seal"

(3) Không được phép sử dụng hoặc ủy quyền cho người khác sử dụng con dấu với ý nghĩa là con dấu của công ty nếu không đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại khoản (1) và (2) điều này.

(4) Người vi phạm quy định tại khoản 3 điều này sẽ bị xử phạt nghiêm khắc.

- Ở Nhật Bản, con dấu được sử dụng cùng với chữ ký để khẳng định tính pháp lý của văn bản. Không chỉ pháp nhân mà cá nhân cũng sử dụng con dấu để đóng dấu vào các văn bản quan trọng. Người Nhật có hai loại con dấu

cơ bản đó là: con dấu không phải đăng ký (mitomein) và con dấu phải đăng ký (jitsuin). Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, bắt buộc phải sử dụng con dấu của người đại diện theo pháp luật (đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền) để đóng dấu vào đơn đăng ký. Doanh nghiệp Nhật Bản sử dụng con dấu của công ty và con dấu của người đại diện theo pháp luật, trong đó, con dấu của người đại diện theo pháp luật được coi là quan trọng hơn vì chỉ có con dấu này là bắt buộc phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Pháp luật Nhật Bản quy định rõ con dấu là tài sản giá trị của doanh nghiệp.

Thông thường, văn bản của doanh nghiệp được coi là có giá trị pháp lý khi trên đó thể hiện: tên doanh nghiệp, thông tin về người đại diện theo pháp luật và con dấu của người đại diện theo pháp luật. Khi thực hiện giao dịch hay ký kết hợp đồng, nếu thiếu con dấu của người đại diện theo pháp luật (ví dụ như trường hợp quên mang theo con dấu của người đại diện theo pháp luật), các văn bản vẫn có giá trị với hai bên đối tác, tuy nhiên, doanh nghiệp có thể sẽ gặp phải phiền toái khi có sự bất đồng, xung đột dẫn đến kiện tụng vì bên đối tác có thể yêu cầu tòa vô hiệu hóa giao dịch, hợp đồng với lí do là việc ký kết không xuất phát từ ý chí của doanh nghiệp. Khi đó, doanh nghiệp phải chứng minh được rằng giao dịch hay hợp đồng đó đã được thực hiện, ký kết theo ý chí của mình.

Việc quản lý và sử dụng con dấu được quy định rất chặt chẽ nhằm hạn chế tối đa các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến con dấu. Kích cỡ, hình thức của con dấu được quy định chi tiết bởi Bộ Tư pháp (Ministry of Justice).

Trong nội bộ công ty, con dấu kết hợp với chữ ký của người có thẩm quyền sẽ tạo nên những văn bản, quyết định có hiệu lực với toàn bộ lĩnh vực và nhân viên công ty. Nếu văn bản đó thiếu đi một trong hai yếu tố là con dấu và chữ ký thì văn bản đó vô hiệu, không đủ điều kiện để áp dụng trong công ty. Các văn bản trong nội bộ được người đại diện pháp luật/ hội đồng quản trị

thông báo mà chưa có đóng dấu thì không có giá trị pháp lý. Do đó, các văn bản nội bộ của các phòng ban để có hiệu lực thì cần có sự thông qua của người đại diện pháp luật hoặc hội đồng quản trị (tùy theo nội dung điều lệ công ty quy định ai là người quyết định thông qua) và bắt buộc có dấu công ty.

Trên thực tế, bên cạnh chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, con dấu doanh nghiệp cũng được coi như là chữ ký của doanh nghiệp. Chữ ký và con dấu luôn đi đôi với nhau tạo nên hiệu lực của văn bản. Đối với doanh nghiệp, có những giấy tờ giao dịch hay hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý khi có con dấu doanh nghiệp được đóng lên trên các văn bản đó. Vì vậy, con dấu doanh nghiệp rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Các văn bản và quyết định của người đại diện thep pháp luật, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty để có hiệu lực đều cần có chữ ký "sống" và con dấu có mực "sống" đóng dấu, không được sử dụng dẫu chữ ký. Quy định tại Khoản 9, điều 95 Luật doanh nghiệp 2014 quy định về sử dụng con dấu của hội đồng thành viên: " *Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình".* Khoản 4, điều 98 Luật doanh nghiệp 2014 quy định về sử dụng con dấu của Chủ tịch công ty: *"Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình".*

Trường hợp Chủ tịch công ty đồng thời là đại diện pháp luật công ty thì các văn bản nội bộ hay các văn bản sử dụng trong quan hệ kinh doanh, đối tác, với các cơ quan nhà nước thì đều phải có chữ ký của đại diện pháp luật đó và đóng dấu công ty (trừ trường hợp có ủy quyền hợp pháp của người đó cho một cá nhân hay tổ chức khác).

Trường hợp chủ tịch công ty là người đứng đầu doanh nghiệp và không đồng thời là người đại diện pháp luật, người đại diện pháp luật ký hợp đồng lao động với công ty. Các công việc của người đại diện pháp luật được liệt kê và quy định chặt chẽ trong hợp đồng lao động với công ty, được ký bởi chủ tịch công ty và đóng dấu công ty với người lao động. Người đại diện pháp luật này chỉ được thực hiện công việc trong hợp đồng lao động và nội quy công ty, để tránh việc vượt quá thẩm quyền giải quyết hay lợi dụng chức vụ làm thiệt hại cho công ty. Các văn bản đối nội đối ngoại đối với người đại diện theo diện hợp đồng lao đồng này đều phải đáp ứng yêu cầu để văn bản có hiệu lực về mặt nội dung và hình thức. Về nội dung, công việc do đại diện pháp luật công ty thực hiện thuộc thẩm quyền được thực hiện và không trái pháp luật. Nếu các văn bản trên không thuộc thẩm quyền của đại diện pháp luật thực hiện; hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động thì nội dung đó phải được người đứng đầu doanh nghiệp không biết/ không đồng ý thì văn bản đó sẽ vô hiệu và người đại diện pháp luật phải chịu trách nhiệm với những gì mình thực hiện. Về hình thức, văn bản cần có chữ ký của đại diện pháp luật và đóng dấu của công ty với các văn bản có nội dung thuộc thẩm quyền của đại diện pháp luật giải quyết. Với các văn bản cần được người đứng đầu thông qua thì cần có chỉ thị đồng ý hay không đồng ý thực hiện của người đứng đầu công ty. Nếu người đứng đầu công ty không đồng ý thì cho dù văn bản được đưa ra của người có đại diện pháp luật hợp pháp về mặt hình thức (có chữ ký và đóng dấu) thì văn bản đó vẫn không có hiệu lực.

Trong quan hệ bên ngoài, các giao dịch dân sự được thực hiện giữa pháp nhân và các cá nhân, cơ quan, tổ chức… Con dấu gần như là một biểu trưng, biểu tượng cho doanh nghiệp, là một dấu hiệu để phân biệt các doanh nghiệp với nhau, là biểu tượng cho tính xác thực của loại văn bản giấy tờ của doanh nghiệp. Với các giao dịch, văn bản có đầy đủ hai yếu tố là con dấu và

chữ ký của người đại diện pháp luật sẽ làm phát sinh tư cách pháp nhân trong giao dịch đó. Văn bản được ký và đóng dấu có nghĩa là các giao dịch này được tiến hành với một bên là pháp nhân chứ không phải cá nhân. Bất cứ lợi nhuận hay vấn đề xảy ra trong hợp đồng giao đều do pháp nhân (công ty) hưởng lợi hay chịu trách nhiệm. Với các văn bản thiếu đóng dấu của công ty thì được xem là văn bản đó không thể hiện ý chí của pháp nhân, văn bản đó thể hiện ý chí của cá nhân người ký. Người ký sẽ chịu trách nhiệm về các phát sinh trong giao dịch mà văn bản đó liên quan. Tuy nhiên, không phải tất cả các văn bản, hợp đồng thiếu dấu của công ty là vô hiệu. Văn bản thiếu dấu của công ty trong các văn bản với các cơ quan Nhà nước, văn bản thông báo với đối tác được xem là văn bản vô hiệu, cần bổ sung đầy đủ lại. Đối với các văn bản là các thỏa thuận, hợp đồng… thì có thể do thiếu sót mà dẫn đến thiếu con dấu, nếu các bên giao kết thừa nhận thiếu sót và đồng ý bổ sung thì các văn bản trên vẫn có hiệu lực bình thường. Điều này thể hiện tại khoản 4, điều 44 Luật doanh nghiệp 2014*“ Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu”*. Đây là điểm mới của Luật doanh nghiệp 2014 so với Luật doanh nghiệp 2005. Luật doanh nghiệp 2005 chỉ nhắc đến tính sở hữu của pháp nhân đối với con dấu, các vấn đề liên quan số lượng con dấu do cơ quan Nhà nước cấp và quản lý. Hiệu lực và các trường hợp sử dụng con dấu chỉ được quy định chung là “theo quy định của Chính phủ”. Tại Luật doanh nghiệp 2014, việc sử dụng và quản lý con dấu được nới rộng hơn, các vấn đề con dấu do doanh nghiệp thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Các trường hợp liên quan đến hiệu lực con dấu được quy định theo điều lệ của công ty và sự thỏa thuận của các bên, miễn là các quy định và thỏa thuận không trái pháp luật. Cụ thể: trường hợp một văn bản sau khi ký và thiếu đóng dấu. Nếu là luật cũ, chưa có quy định cụ thể về hiệu lực văn bản trong trường hợp này và

văn bản có thể bị vô hiệu. Tuy nhiên, theo luật mới thì các bên cần chứng minh đây là thỏa thuận tự nguyện và nếu các bên công nhận sự thỏa thuận về sử dụng con dấu thì văn bản đó vẫn có hiệu lực. Có thể nói Luật doanh nghiệp 2014 đã linh hoạt hơn, tạo điều kiện cho chủ doanh nghiệp chủ động trong quản lý và sử dụng con dấu. Đồng thời, Luật mới cũng tôn trọng tính dân chủ của các giao dịch.

Con dấu dùng để thể hiện vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của các cơ quan, tổ chức và các chức danh nhà nước. Có nghĩa là: ngoài chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, các giấy tờ giao dịch, hợp đồng của doanh nghiệp chỉ có giá trị pháp lý khi có con dấu doanh nghiệp được đóng lên trên các văn bản đó. Tuy nhiên, sau khi Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực, tầm quan trọng của con dấu đã khác trước. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3, Nghị định 99/2016/NĐ-CP thì con dấu là "phương tiện đặc biệt do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, quản lý, được sử dụng để đóng trên văn bản, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước". Như vậy, con dấu doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với các hoạt động của doanh nghiệp, quyết định đến hiệu lực của các giao dịch.

1.2.2. Đăng ký, chấm dứt và hủy con dấu doanh nghiệp

Đăng ký con dấu doanh nghiệp

Con dấu muốn được đi vào sử dụng, phát huy được giá trị pháp lý của nó thì phải trải qua thủ tục xác thực, công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xuất phát từ tầm quan trọng của con dấu góp phần quyết định giá trị pháp lý của những văn bản được đóng dấu trong các quan hệ pháp luật nhất định cho nên việc sử dụng con dấu cần được đặt dưới sự điều chỉnh của pháp luật cũng như sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Và một trong những hoạt động mang tính chất thủ tục hành chính nhằm giúp cho cơ quan

nhà nước có thẩm quyền nắm bắt được sự hiện diện của con dấu doanh nghiệp đó chính là việc doanh nghiệp phải đi đăng ký mẫu dấu. Nếu con dấu doanh nghiệp không được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mẫu dấu doanh nghiệp điều đó đồng nghĩa với việc con dấu đó chưa có giá trị pháp lý khi đem vào sử dụng dù có được hình thành dưới dạng vật chất trên thực tế đi chăng nữa. Vì vậy, doanh nghiệp phải thực hiện hoạt động đăng ký mẫu dấu doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho giá trị pháp lý của con dấu được phát huy cũng như bảo đảm quyền quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp trong hoạt động liên quan đến sử dụng con dấu.

Tuy nhiên, sau khi Luật doanh nghiệp 2014 được ban hành và có hiệu lực thì hoạt động đăng ký mẫu dấu đã có chuyển biến lớn so với trước đây. Theo đó, trước thời điểm Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thì hoạt động đăng ký mẫu dấu doanh nghiệp là bắt buộc. Con dấu làm xong phải đăng ký mẫu tại cơ quan Công an và chỉ được sử dụng con dấu sau khi được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Còn sau khi Luật doanh nghiệp 2014 ra đời thì hoạt động đăng ký mẫu dấu trở thành thông báo về mẫu dấu: theo đó trước khi sử dụng, doanh nghiệp phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Điều này nhằm nhấn mạnh quyền sở hữu con dấu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được quyền tự quyết định hình thức, số lượng, nội dung con dấu, cơ quan nhà nước chỉ đóng vai trò tiếp nhận thông báo mẫu dấu và đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia và giúp doanh nghiệp giải quyết khi có xảy ra tranh chấp.

Thủ tục thông báo về mẫu dấu doanh nghiệp được quy định tại Luật doanh nghiệp 2014 và Nghị định 99/2016/NĐ-CP về quản lý và sử dụng con dấu theo đó doanh nghiệp sẽ chuẩn bị hồ sơ thông báo mẫu con dấu doanh nghiệp gồm: Thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp; Tờ

khai thông tin người nộp hồ sơ; Mục lục hồ sơ; Bìa hồ sơ. Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp tiến hành nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh chứ không còn là cơ quan thuộc Bộ Công an như trước kia. Nhận được hồ sơ thông báo về mẫu con dấu, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận cho doanh nghiệp và thực hiện đăng tải thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Thông báo về việc đăng tải thông tin mẫu con dấu của doanh nghiệp.

Cơ chế quản lý nhà nước đối với con dấu doanh nghiệp đã thay đổi theo hướng cởi mở, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp. Thay vì phải đăng ký mẫu dấu với cơ quan Công an như trước đây thì hiện nay doanh nghiệp được hoàn toàn chủ động trong việc làm con dấu. Doanh nghiệp có thể tự khắc dấu hoặc đến cơ sở khắc dấu để làm con dấu. Trước khi sử dụng con dấu, doanh nghiệp chỉ cần gửi thông báo mẫu dấu đến cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mục đích của quy định này là nhằm công bố công khai cho cho xã hội và bên thứ ba được biết về con dấu của doanh nghiệp.

Về thời điểm có hiệu lực của con dấu doanh nghiệp: Theo quy định tại bản Dự thảo mới nhất của Nghị định hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp được Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ xem xét thông qua, nội dung thông báo mẫu dấu do doanh nghiệp gửi cơ quan đăng ký kinh doanh bao gồm thông tin về thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu. Như vậy, thời điểm có hiệu lực của con dấu là do doanh nghiệp tự quyết định; tuy nhiên, lưu ý rằng, trước khi sử dụng, doanh nghiệp phải gửi thông báo mẫu dấu cho cơ quan đăng ký kinh đoanh để đăng tải công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, từ 01/7/2015, doanh nghiệp đã có thể tự làm lấy con dấu của mình hoặc tự do sử dụng dịch vụ khắc dấu trên thị trường. Doanh nghiệp và công ty kinh doanh khắc dấu hoàn toàn có thể chủ

động thực hiện giao dịch liên quan đến việc làm con dấu doanh nghiệp như một giao dịch dân sự thông thường. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Về mẫu dấu đối với các doanh nghiệp được thành lập trước khi Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thì:

- Nếu tiếp tục sử dụng con dấu đã được cấp thì được tiếp tục sử dụng và không phải thông báo mẫu con dấu cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh.

- Nếu doanh nghiệp muốn làm thêm con dấu hoặc thay đổi màu mực dấu thì thực hiện thủ tục thông báo mẫu con dấu như thủ tục nêu trên.

- Nếu doanh nghiệp làm mới con dấu thì phải nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.

Hủy con dấu doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải thực hiện hủy con dấu doanh nghiệp khi: Đăng ký lại mẫu con dấu do con dấu bị biến dạng, mòn, hỏng, thay đổi chất liệu hoặc cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước có sự thay đổi về tổ chức, đổi tên; Có quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động, kết thúc nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; Có quyết định thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; Con dấu bị mất được tìm thấy sau khi đã bị hủy giá trị sử dụng con dấu; Có quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ quan có thẩm quyền; phát hiện một trong các hành vi Làm giả con dấu, sử dụng con dấu giả; Mua bán con dấu, tiêu hủy trái phép con dấu; Sử dụng con dấu hết giá trị sử dụng; Cố ý làm biến dạng, sửa chữa nội dung mẫu con dấu đã đăng ký; Không giao nộp con dấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan đăng ký mẫu con dấu; Mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố,

thế chấp con dấu; sử dụng con dấu của Cơ quan, tổ chức khác để hoạt động; Chiếm giữ trái phép, chiếm đoạt con dấu; Sử dụng con dấu chưa đăng ký mẫu con dấu.

Các trường hợp hủy mẫu dấu có thể phân loại thành ba trường hợp: Con dấu không còn khả năng sử dụng; Tồn tại mẫu dấu trái phép; tổ chức sở hữu mẫu dấu mất quyền sử dụng mẫu dấu liên quan đến thay đổi cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. Dù thuộc trường hợp nào thì sau thời điểm doanh nghiệp thực hiện thủ tục hủy mẫu dấu doanh nghiệp đồng nghĩa với việc mẫu dấu bị hủy sẽ chấm dứt giá trị sử dụng cũng như giá trị pháp lý của mình. Tức bất kỳ văn bản, tài liệu nào được đóng dấu đã bị hủy (nếu có) đều không có giá trị pháp lý trong quan hệ pháp luật được xác lập liên quan đến nội dung văn bản đó. Thông thường việc hủy mẫu dấu đồng nghĩa với việc mẫu dấu sẽ bị thu hồi và tiêu hủy. Nếu doanh nghiệp không giao nộp con dấu theo quy định, thì cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu ra quyết định hủy giá trị sử dụng con dấu.

1.3. Sự khác biệt về giá trị pháp lý giữa con dấu doanh nghiệp với con dấu của các cơ quan, tổ chức khác

Các cơ quan, tổ chức không phải doanh nghiệp được sử dụng con dấu có hình quốc huy theo quy định tại Nghị định 99/2016/ NĐ-CP quy định về quản lý và sử dụng con dấu bao gồm:

- Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thư ký Quốc hội.

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử Quốc gia, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tổng cục hoặc đơn vị tương đương Tổng cục.

- Văn phòng Chủ tịch nước.

- Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân cấp cao, Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Toà án quân sự trung ương, Toà án quân sự quân khu và tương đương, Toà án quân sự khu vực.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực.

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, cơ quan thi hành án quân khu và tương đương.

- Đại sứ quán, Phòng Lãnh sự thuộc Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Tổng Lãnh sự danh dự, Lãnh sự danh dự, Phái đoàn thường trực, Phái đoàn, Phái đoàn quan sát viên thường trực và cơ quan có tên gọi khác thực hiện chức năng đại diện của Nhà nước Việt Nam tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ hoặc tại vùng lãnh thổ nước ngoài.

- Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban Biên giới quốc gia, Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Ngoại giao.

- Cơ quan khác có chức năng quản lý nhà nước và được phép sử dụng con dấu có hình Quốc huy theo quy định.

Về giá trị pháp lý của con dấu của các cơ quan, tổ chức khác thì con dấu giúp các văn bản của cơ quan, tổ chức đó được khẳng định, đảm bảo về tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp lý. Mỗi một văn bản được các cơ quan đóng dấu, thì khi đó mọi trách nhiệm của những người liên quan đến văn bản đó sẽ được thực thi, hoặc chịu trách nhiệm cho văn bản đó.

Nếu các văn bản của các cơ quan, tổ chức không phải doanh nghiệp gửi đến cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác mà không đóng dấu của các cơ quan banh hành văn bản thì không có giá trị pháp lý và người nhận văn bản có quyền không thực hiện. Theo luật pháp Việt Nam quy định dấu là vật công chứng giấy tờ có hiệu lực trên văn bản được nhà nước phát hành. Dấu là thành phần giúp cho công việc chống giả mạo văn bản, là công cụ quan trọng để phân biệt tài liệu thật, giả; đấu tranh chống lại kẻ gian, làm giả tài liệu và các hành vi phi pháp gian lận… nhằm gây ảnh hưởng đến uy tín cũng như lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức không phải doanh nghiệp.

Con dấu của các đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ quan Nhà nước, các tổ chức khác có hình Quốc huy được sử dụng theo quy định của pháp luật, thể hiện ý chí của Nhà nước. Đối với con dấu doanh nghiệp, con dấu đó không được có hình Quốc huy và thể hiện ý chí pháp nhân. Có thể hiểu con dấu có hình Quốc huy là đại diện cho quyền lực Nhà nước, đại diện cho một cơ quan Nhà nước đóng dấu ban hành các văn bản. Do đó, các văn bản được ký, đóng dấu sẽ do Nhà nước chịu trách nhiệm.

Việc sử dụng con dấu có hình Quốc huy phải được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hoặc được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cơ quan, tổ

chức, chức danh nhà nước chỉ được sử dụng con dấu khi đã có quy định về việc được phép sử dụng con dấu trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền; phải đăng ký mẫu con dấu trước khi sử dụng.

Con dấu doanh nghiệp không bị ràng buộc nhiều về các loại văn bản được đóng dấu như con dấu của cơ quan Nhà nước. Bởi con dấu thể hiện ý chí của người đại diện pháp luật, mang tư cách pháp nhân và sử dụng trong các giao dịch dân sự, các quyết định của tổ chức doanh nghiệp đó. Do đó, các văn bản có con dấu và chữ ký của người đại diện pháp luật, có tính ban hành trong nội bộ, trong các giao dịch dân sự; pháp nhân phải chịu trách nhiệm với nội dung văn bản được ký đóng dấu theo đúng quy định pháp luật đó.

Tiểu kết chương 1

Bằng phương pháp nghiên cứu, phân tích, tiếp cận khoa học để xác định những nội dung lý luận cơ bản về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp, tác giả đã tập trung làm rõ các khái niệm liên quan. Dưới góc độ luật học, luận văn đã luận giải và xây dựng khái niệm, nội dung, đặc điểm, ý nghĩa và tóm lược nội dung pháp luật của giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp.

Ngoài ra, ở chương này tác giả còn tóm lược được quá trình hình thành và phát triển của pháp luật giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp qua một số giai đoạn lịch sử của pháp luật nước ta và quy định hiện hành về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp của một số quốc gia trên thế giới.

Những vấn đề tác giả trình bày, phân tích ở Chương 1 sẽ là tiền đề, cơ sở để tiếp tục nghiên cứu và luận giải thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp ở Việt Nam thời gian qua, đồng thời cũng là cơ sở để kiến nghị hoàn thiện pháp luật cho phù hợp.

Chương 2
THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ TRONG SỬ DỤNG CON DẤU DOANH NGHIỆP

2.1. Pháp luật quy định sử dụng con dấu doanh nghiệp

2.1.1. Đối tượng liên quan đến sử dụng con dấu doanh nghiệp

Văn bản đi đến, công văn giấy tờ và tài liệu cũng được coi là loại tài sản có giá trị như các loại tài sản khác của doanh nghiệp. Đó là các căn cứ, cơ sở cho việc đưa ra các quyết định, kế hoạch, điều chỉnh của doanh nghiệp. Và đây cũng chính là đối tượng liên quan đến sử dụng con dấu doanh nghiệp.

Mỗi công văn, giấy tờ, tài liệu của doanh nghiệp lại có một giá trị khác nhau, mục tiêu sử dụng và lĩnh vực khác nhau. Chính vì vậy, để có thể tra cứu, khai thác và sử dụng một cách nhanh chóng, hiệu quả thì tất cả các công văn tài liệu này cần được phân loại một cách khoa học, hợp lý. Chúng có thể được phân loại dựa theo cách sau:

- *Tài liệu, công văn giấy tờ hành chính văn phòng* gồm có: Công văn, văn bản quy phạm phát luật, quy định và chỉ thị của Ban lãnh đạo; Hồ sơ về việc thành lập DN (gồm giấy phép kinh doanh, đơn xin và quyết định thành lập…); Tài liệu về các hội nghị, đại hội; Báo cáo tổng kết hoạt động doanh nghiệp; Tài liệu mua sắm thiết bị văn phòng, hàng hóa…; Các loại văn bản giấy tờ khác.

- *Hồ sơ, tài liệu nhân sự*: Các quyết định bổ nhiệm, bầu cử ban lãnh đạo; Hồ sơ tuyển dụng, tiếp nhận, thuyên chuyển lao động; Hồ sơ nhân viên trong doanh nghiệp (như sơ yếu lý lịch, bằng cấp, hợp đồng lao động…); Các quyết định khen thưởng kỷ luật nhân viên; Các tài liệu, giấy tờ về BHXH, lương, phụ cấp người lao động.

- *Các loại giấy tờ tài liệu về hoạt động kinh doanh sản xuất*: Văn bản, tài liệu về kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài vụ hàng năm/quý; Giấy

tờ tài liệu về các hợp đồng kinh tế, thương mại, mua bán hàng hóa…; Các tài liệu liên quan khác.

- *Văn bản, hồ sơ giấy tờ, tài liệu kỹ thuật:* Văn bản giấy tờ về đăng ký bản quyền, sở hữu; Hồ sơ về thiết kế mẫu mã sản phẩm; Các tài liệu về máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ, sáng chế, cải tiến kỹ thuật công nghệ...; Tài liệu liên quan khác.

- *Văn bản, giấy tờ tài liệu về tài chính, kế toán*: Các loại VBQPPL, các quy định và hướng dẫn về hoạt động tài chính kế toán; Dự toán, quyết toán kinh phí; Báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính; Kế hoạch thu chi, chứng từ sổ sách kế toán; Hồ sơ, giấy tờ, tài liệu về kiểm kê tài sản và kiểm tra tài chính hàng năm.

Vậy trong tất cả các văn bản của doanh nghiệp nói trên thì văn bản, tài liệu nào là đối tượng liên quan đến sử dụng con dấu doanh nghiệp? Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 25 Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư quy định: Những văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức. Điều đó cho thấy mọi văn bản do doanh nghiệp thực hiện soạn thảo và ban hành đều phải được đóng dấu của doanh nghiệp. Điều này cũng được khẳng định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 về thể thức văn bản bao gồm các thành phần cơ bản trong đó có cả Dấu của cơ quan tổ chức. Quy định này là hoàn toàn hợp lý, bởi trước khi được ban hành văn bản sẽ trải qua quy trình soạn thảo chặt chẽ và kĩ lưỡng để khẳng định giá trị sử dụng của văn bản trên thực tế. Việc đóng dấu vào những văn bản do doanh nghiệp ban hành nhằm nhấn mạnh tính chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với những nội dung mình ban hành.

Ngoài ra, điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư còn quy định: *Chỉ được đóng dấu vào những văn bản, giấy tờ sau khi đã có chữ ký của người có thẩm*

quyền. Điều này cho thấy giá trị pháp lý của chữ ký người có thẩm quyền trong doanh nghiệp có giá trị quyết định cao hơn so với văn bản chỉ có con dấu doanh nghiệp. Tức văn bản có dấu doanh nghiệp phải có chữ ký người có thẩm quyền trong doanh nghiệp mới phát huy giá trị pháp lý của văn bản, đóng dấu là bước cuối cùng của công tác ban hành văn bản của doanh nghiệp. Tuy nhiên hiện nay pháp luật vẫn chưa quy định cụ thể về việc phân định giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp và chữ ký người có thẩm quyền trong doanh nghiệp.

Đối với văn bản, giấy tờ tài liệu về tài chính, kế toán thì Điều 16 Luật kế toán 2015 cho thấy những nội dung cần phải được thể hiện trong chứng từ kế toán trong đó không bao gồm dấu doanh nghiệp. Tuy nhiên, chữ ký của người có thẩm quyền trong doanh nghiệp lại là nội dung bắt buộc đối với chứng từ kế toán. Theo đó, Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ. Chữ ký trên chứng từ kế toán phải do người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký. Nghiêm cấm ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký.

2.1.2. Chủ thể sử dụng con dấu doanh nghiệp

Điều 24 Nghị định 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ Về quản lý và sử dụng con dấu quy định: *người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định này có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu và ban hành quy định về quản lý và sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức mình. Con dấu phải được quản lý chặt chẽ tại trụ sở của cơ quan, tổ chức; chỉ chức danh nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức mới được quyết định việc mang con dấu ra ngoài trụ sở để sử dụng giải quyết công việc.*

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là người đứng đầu doanh nghiệp, được doanh nghiệp uỷ quyền, thay mặt doanh nghiệp thực hiện

các giao dịch vì lợi ích của doanh nghiệp, với đối tác, khách hàng và với cơ quan Nhà nước. Quyền, nghĩa vụ và chức danh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được quy định trong điều lệ doanh nghiệp.

Hoạt động của một doanh nghiệp được thông qua người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật sẽ nhân danh và vì lợi ích của doanh nghiệp xác lập, thực hiện các giao dịch thể hiện mối quan hệ với các chủ thể trong doanh nghiệp (như với các thành viên, cổ đông góp vốn) hoặc với các chủ thể khác bên ngoài doanh nghiệp (đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý nhà nước...). Trong suốt quá trình hoạt động, từ khi thành lập đến khi giải thể hoặc tuyên bố phá sản hay sáp nhập, chia, tách, doanh nghiệp phải đảm bảo luôn có người đại diện theo pháp luật. Doanh nghiệp luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật, thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và nếu người đó xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng người ủy quyền đó vẫn chịu mọi trách nhiệm về hoạt động của người được ủy quyền. Quy định này cho thấy, vai trò và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khá lớn, họ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các hoạt động, các giao dịch của doanh nghiệp. Chính vì tầm quan trọng như vậy, mà Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 đều dành một chương riêng quy định về đại diện trong quan hệ pháp luật dân sự, đặc biệt là đại diện của pháp nhân.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định cụ thể về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại Điều 13 và Điều 14. Có thể thấy rằng, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có nhiều sửa đổi khá quan trọng về người đại diện theo pháp luật. Cụ thể là quy định cho phép doanh nghiệp tự quyết định về số lượng, chức danh, thẩm quyền của người

đại diện theo pháp luật; đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giam, kết án tù, bỏ trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, lừa dối khách hàng và tội khác theo quy định của Bộ luật Hình sự, thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014). Đây là điểm mới so với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Doanh nghiệp năm 2005. Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 lần đầu tiên trao quyền lựa chọn số lượng người đại diện theo pháp luật cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể hội nhập nhanh hơn, tận dụng được mọi cơ hội kinh doanh thông qua các đại diện theo pháp luật. Vì quy chế về người đại diện theo pháp luật có mối liên hệ trực tiếp với quyền tự chủ của doanh nghiệp trong chủ động lựa chọn địa bàn, hình thức kinh doanh, mở rộng quy mô kinh doanh, chủ động tìm kiếm thị trường và khách hàng, mà muốn thực hiện được những quyền này, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn, thì cần phải có nhiều người đại diện cho doanh nghiệp đó trong giao kết và thực hiện các giao dịch với chủ thể khác. Điểm sửa đổi này có ý nghĩa rất to lớn, đã giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp suốt một thời gian dài. Cụ thể:

Thứ nhất, "giảm tải" trách nhiệm lên một người đại diện theo pháp luật. Có thể thấy rằng mọi giao dịch đối ngoại, đối nội của doanh nghiệp đều chỉ có

thể thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật. Thực tế đòi hỏi, người đại diện theo pháp luật phải có rất nhiều kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế mới có thể điều hành doanh nghiệp một cách trơn chu, chuẩn mực. Người đại diện theo pháp luật phải biết về quản lý kinh doanh, quản lý nhân sự, quản lý thuế, hợp đồng... Nếu không biết, họ vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với toàn bộ các giao dịch với tư cách là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Như vậy, vô hình chung, việc trao cho một cá nhân quá nhiều quyền và nghĩa vụ, đặc biệt là nghĩa vụ sẽ gây khó khăn cho người đó trong việc thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của mình. Mặc dù, pháp luật cũng có những chế định cho phép người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho một cá nhân khác, nhưng thực tế áp dụng cho thấy quy định này còn nhiều hạn chế. Như trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt, doanh nghiệp chỉ có thể giải quyết công việc khi có sự ủy quyền từ người đại diện theo pháp luật cho một người khác trong doanh nghiệp, nhưng về nguyên tắc người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm trước công ty, trước pháp luật và bên thứ ba về tất cả những nội dung thuộc thẩm quyền của mình. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp lớn, khi có rất nhiều các hợp đồng lớn phải ký kết, các dự án lớn để đầu tư, số lượng người lao động thật lớn để triển khai thực hiện công việc, thì việc người đại diện có thể cho những công việc của những người đã nhận ủy quyền thay mặt họ để giao dịch trong thời gian họ vắng mặt là một điều khó khả thi. Các quy định của pháp luật cũng có những hạn chế nhất định đối với người được ủy quyền như chỉ cho phép người này được ủy quyền lại cho người thứ ba nếu được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Điều này đã gây ra những vướng mắc không nhỏ cho doanh nghiệp nếu người được nhận ủy quyền gặp sự cố bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện công việc được ủy quyền, đặc biệt, trong trường hợp người được ủy quyền này nhận ủy quyền ký kết hợp đồng kinh tế với đối tác. Thực tiễn xét

xử tranh chấp kinh tế cho thấy, rất nhiều vụ án doanh nghiệp đã phải thua kiện, vì hợp đồng bị tuyên vô hiệu do doanh nghiệp một phần không nắm vững các quy định của pháp luật, người nhận ủy quyền tự ý ủy quyền lại khi chưa có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Nhưng nó cũng đặt ra một "bài toán" pháp lý cho các nhà làm luật giải quyết tình trạng trên để đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được thông suốt.

Thứ hai, trường hợp doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật. Trong khoảng thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục pháp lý thay đổi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì vị trí người đại diện theo pháp luật gần như bị trống, bởi lẽ, lúc này người mới được bổ nhiệm nhưng chưa được ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Bên thứ ba tiến hành giao dịch sẽ gặp khó khăn trong xác định ai là người đại diện theo pháp luật thật sự. Hoặc trường hợp người đại diện theo pháp luật có vấn đề về sức khỏe hoặc bị tạm giam, tạm giữ, thì doanh nghiệp cũng phải mất một khoảng thời gian lúng túng để xác định người thay thế, chưa kể đến quá trình chọn ra người thay thế trong những thời điểm nhạy cảm của một doanh nghiệp chưa hẳn sẽ diễn ra suôn sẻ và nhận được sự hợp tác của những người khác.

Thứ ba, quy định cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật cũng giải quyết được các hạn chế trong giao dịch của doanh nghiệp với người đại diện, giảm thiểu được các khó khăn của doanh nghiệp. Đặc biệt, trong trường hợp người đại diện theo pháp luật đi nước ngoài dưới 30 ngày nhưng không muốn ủy quyền cho người khác hoặc người đại diện theo pháp luật xung đột với hội đồng thành viên, hội đồng quản trị và không hợp tác trong việc ký kết các văn bản, giao dịch của công ty, đồng thời không muốn ủy quyền cho người khác. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng nảy sinh nhiều vấn đề pháp lý về người đại diện theo pháp luật cần được xác định rõ như: Cơ chế giám sát lẫn nhau giữa những người đại diện theo pháp luật; sự phân định về

trách nhiệm liên đới hay riêng lẻ của các đại diện theo pháp luật và phạm vi đại diện của các đại diện theo pháp luật trong việc xác lập giao dịch nhân danh doanh nghiệp. Có những trường hợp đặt ra trong thực tiễn cần được làm rõ như xác định giao dịch đòi hỏi phải được sự chấp thuận của tất cả các đại diện theo pháp luật hay hiệu lực của hợp đồng đã được doanh nghiệp ký kết với đối tác và đang thực hiện nhưng xảy ra trường hợp một đại diện theo pháp luật khác phản đối hay không đồng ý một phần của hợp đồng này. Yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng điều lệ công ty cũng cần chặt chẽ hơn để tránh chồng chéo về thẩm quyền của mỗi người và tăng cường hiệu quả quản lý trong nội bộ doanh nghiệp.

2.1.3. Các quy định sử dụng con dấu doanh nghiệp trong hợp đồng

Một quy định mới của Luật doanh nghiệp 2014 về việc sử dụng con dấu trong giao dịch giữa doanh nghiệp và chủ thể khác đó là: *Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.* Như vậy, trong một số giao dịch các bên có thể thỏa thuận được với nhau về việc sử dụng con dấu trong hợp đồng đôi bên hay không cũng như điều đó sẽ ảnh hưởng thế nào tới hiệu lực của hợp đồng cũng do các bên quyết định. Đây là quy định mở rộng cũng như là một cuộc cách mạng thay đổi tư duy về con dấu vốn đã ăn sâu vào tiềm thức bao thế hệ doanh nghiệp. Con dấu không còn "quyền uy pháp lý" tuyệt đối như nhiều người vẫn nghĩ lâu nay.

Hợp đồng được xác lập giữa doanh nghiệp với chủ thể khác chính là hợp đồng thương mại. Hợp đồng thương mại được giao kết phải đảm bảo các nguyên tắc của hợp đồng theo quy định của pháp luật. Việc quy định nguyên tắc giao kết hợp đồng nhằm đảm bảo sự thỏa thuận của các bên phù hợp với ý chí thực của họ, hướng đến những lợi ích chính đáng của các bên, đồng thời không xâm hại đến những lợi ích mà pháp luật cần bảo vệ. Theo quy định của

BLDS việc giao kết hợp đồng phải tuân theo các nguyên tắc: tự do giao kết những không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Luật thương mại là luật riêng của luật dân sự cho nên cũng phải chịu sự điều chỉnh của những nguyên tắc trên.

Theo qui định tại Điều 117 BLDS 2015 qui định thì một giao dịch có hiệu lực khi thỏa mản các điều kiện sau đây:

Thứ nhất: Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, bởi vì hành vi giao kết hợp đồng sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các bên. Do vậy để hợp đồng có hiệu lực pháp lý và có khả năng thực hiện, người giao kết hợp đồng phải có khả năng nhận thức hành vi giao kết hợp đồng cũng như hậu quả của việc giao kết hợp đồng. Đối với cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng phải đúng thẩm quyền. Nếu như người tham gia giao dịch không đầy đủ năng lực hành vi dân sự thì hợp đồng sẽ không có hiệu lực và theo qui định của pháp luật sẽ bị tuyên bố vô hiệu.

Thứ hai: Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội… Mục đích của hợp đồng là những lợi ích hợp pháp mà các bên mong muốn đạt được khi giao kết hợp đồng. Nội dung của hợp đồng bao gồm các điều khoản mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất. Để hợp đồng có hiệu lực và có khả năng thực hiện, pháp luật quy định mục đích, nội dung của hợp đồng không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Thứ ba: Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Việc quy định nguyên tắc giao kết hợp đồng nhằm đảm bảo sự thỏa thuận của các bên phù hợp với ý chí thực của họ, hướng đến những lợi ích chính đáng của các bên, đồng thời không xâm hại đến những lợi ích mà pháp luật cần bảo vệ. Theo quy định của Bộ luật dân sự, việc giao kết hợp đồng nói chung và hợp đồng

kinh doanh thương mại nói riêng phải tuân theo các nguyên tắc: tự do giao kết những không trái pháp luật và đạo đức xã hội: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng. Những hành vi cưỡng ép, đe dọa, lừa dối để giao kết hợp đồng... là lý do dẫn đến hợp đồng bị coi là vô hiệu.

Thứ tư: nếu pháp luật có quy định về hình thức của hợp đồng thì phải tuân theo quy định này. Thông thường đó là quy định hợp đồng phải được lập thành văn bản hoặc văn bản hợp đồng phải được công chứng, chứng thực. Trong trường hợp này, hình thức của hợp đồng là điều kiện có hiệu lực, khi giao kết các bên phải tuân theo hình thức được pháp luật quy định. Để hợp đồng thương mại có hiệu lực, hợp đồng phải được xác lập theo những hình thức được pháp luật thừa nhận.

Trong các nội dung cơ bản quy định tại Khoản 2 Điều 398 BLDS 2015 không quy định hợp đồng cần phải có con dấu doanh nghiệp. Ngoài ra, BLDS 2015 cũng quy định thời điểm hợp đồng có hiệu lực là thời điểm giao kết hợp đồng. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng hình thức chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản. Như vậy quy định này cho thấy hình thức thể hiện sự chấp thuận giao kết hợp đồng không bắt buộc phải bằng con dấu doanh nghiệp và một lần nữa pháp luật khẳng định giá trị pháp lý của chữ ký người có thẩm quyền trong doanh nghiệp.

Tùy từng loại văn bản mà tương ứng với nó là cách đóng dấu phù hợp và đúng cách.

- Dấu treo: Đóng dấu treo là sử dụng con dấu đóng lên phần trang đầu và đóng trùm lên một phần tên của cơ quan, tổ chức hoặc tên của phụ lục kèm theo với văn bản chính. Trên thực tế, một số cơ quan, công ty, doanh nghiệp đóng dấu treo trên các giấy tờ văn bản nội bộ mang tính thông báo trong cơ quan hoặc phía trên góc trái của liên đỏ hoá đơn tài chính thuế VAT. Việc

đóng dấu treo lên văn bản không khẳng định giá trị pháp lý của văn bản đó mà chỉ nhằm khẳng định văn bản được đóng con dấu treo là một bộ phận của giấy tờ, văn bản chính.

- Dấu giáp lai: Đóng dấu giáp lai là sử dụng con dấu đóng lên lề bên trái hoặc lên lề bên phải văn bản gồm 2 tờ trở lên để con dấu trên tất cả các tờ đều có thông tin về con dấu, đảm bảo tính chân thực của từng tờ trong toàn bộ văn bản và ngăn ngừa việc thay đổi nội dung hoặc giả mạo văn bản. Việc đóng dấu giáp lai được thực hiện đúng theo quy định của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan quản lý ngành. Thông thường khi các công ty, doanh nghiệp giao kết hợp đồng bao gồm có nhiều trang, ngoài chữ ký và đóng dấu các bên trong phần cuối cùng của hợp đồng thì còn có dấu giáp lai của các bên ký kết hợp đồng nếu tất cả các bên đều là tổ chức, cơ quan có sử dụng con dấu.

Đối với hợp đồng nhiều trang mà không thể đóng dấu giáp lai một lần thì có thể chia ra, đóng dấu giáp lai trên các trang văn bản liên tiếp cho đến khi đã đóng dấu giáp lai lên hết tất cả các trang của hợp đồng và đảm bảo khi ráp các trang lại với nhau thì dấu giáp lai phải khớp lại với con dấu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, con dấu giáp lai cũng được sử dụng trong những trường hợp như đóng dấu giáp lai lên ảnh như chứng minh thư nhân dân, bằng cấp các loại hay một số công văn có dán ảnh…

- Cách đóng con dấu lên văn bản có chữ ký

Dấu đóng trên văn bản phải rõ ràng, ngay ngắn, đúng chiều và sử dụng đúng mực dấu quy định.

Khi đóng dấu lên chữ ký thì con dấu đóng phải trùm lên trên khoảng 1/3 chữ ký về phía bên trái.

Việc đóng dấu lên phụ lục kèm theo giấy tờ, văn bản chính do người ký giấy tờ, văn bản quyết định và con dấu được đóng lên phần trang đầu tiên, trùm lên một phần tên cơ quan, tổ chức hay tên của phần phụ lục.

Việc đóng dấu giáp lai, đóng con dấu nổi trên văn bản, tài liệu chuyên ngành được thực hiện đúng theo quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành.

Tất cả các công văn, văn bản đều có tiêu chuẩn đóng dấu chung, cho dù là đơn vị của cơ quan hành chính nhà nước hoặc các tổ chức cá nhân, công ty, doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi tham khảo xong bài viết tư vấn và hướng dẫn cách đóng con dấu công ty này, bạn đọc sẽ có được phương pháp về cách đóng con dấu đúng nhất và hợp lý nhất.

2.1.4. Quy định về giải quyết tranh chấp và các vấn đề khác liên quan đến con dấu doanh nghiệp

Các tranh chấp liên quan đến con dấu doanh nghiệp được quy định tại Điều 6 Nghị định 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ Về quản lý và sử dụng con dấu bao gồm:

- Làm giả con dấu, sử dụng con dấu giả. Đây là một trong những tội phạm hình sự được quy định tại Điều 341 BLHS 2015 theo đó đây là hành vi của người không có thẩm quyền cấp con dấu nhưng đã tạo ra con dấu đó bằng những phương pháp nhất định để coi nó như thật. Việc làm giả này có thể là giả toàn bộ hoặc chỉ một phần nội dung của con dấu doanh nghiệp. Sử dụng con dấu giả là người phạm tội không có hành vi "làm" giả con dấu doanh nghiệp nhưng đã có hành vi "sử dụng" chúng để lừa dối người khác. "Lừa dối" ở đây có nghĩa là người phạm tội sử dụng con dấu doanh nghiệp đó trong giao dịch với các chủ thể khác khiến cho các đối tác giao dịch tin đó là con dấu doanh nghiệp thật.

- Mua bán con dấu, tiêu hủy trái phép con dấu. Đây cũng là một trong những tội phạm hình sự quy định tại Điều 342 BLHS 2015. Theo đó Mua bán con dấu doanh nghiệp là hành vi trao đổi bằng tiền mặt hoặc hiện vật để lấy con dấu, tài liệu. Chỉ cần có hành vi "mua" hoặc "bán" là thỏa mãn dấu hiệu

của hành vi này. Tội phạm hoàn thành kể từ khi hai bên mua bán đã thỏa thuận xong việc mua bán, bất kể con dấu đã được trao cho bên mua chưa. Tiêu huỷ con dấu\ là làm mất hoàn toàn hoặc một phần giá trị sử dụng của con dấu mà việc phục hồi rất khó hoặc không được.

- Sử dụng con dấu hết giá trị sử dụng. Con dấu hết giá trị sử dụng có thể được hiểu là con dấu đã hết thời hạn sử dụng hoặc con dấu đã bị thu hồi hoặc bị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục hủy giá trị sử dụng. Con dấu hết giá trị sử dụng đồng nghĩa những văn bản có đóng loại dấu này không có giá trị pháp lý cần thiết nếu pháp luật hoặc các bên thỏa thuận việc sử dụng con dấu doanh nghiệp là điều kiện phát sinh hiệu lực của văn bản có dấu.

- Cố ý làm biến dạng, sửa chữa nội dung mẫu con dấu đã đăng ký. Mẫu dấu bị biến dạng hoặc bị sửa chữa có thể hiểu là nội dung thể hiện trên mặt dấu bị thay đổi một phần hoặc toàn bộ so với mẫu ban đầu đã đăng ký. Và việc làm biến dạng hoặc sửa chữa mẫu dấu ban đầu là hành vi cố ý và vì mục đích không chính đáng có nguy cơ xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp hoặc của chủ thể khác.

- Không giao nộp con dấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan đăng ký mẫu con dấu. Các trường hợp doanh nghiệp phải giao nộp lại con dấu theo quyết định của cơ quan thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 99/2016/NĐ-CP. Trong trường hợp doanh nghiệp không giao nộp lại con dấu nhưng không đồng nghĩa với việc con dấu đó còn giá trị pháp lý hay giá trị sử dụng trên thực tế. Và việc doanh nghiệp tiếp tục sử dụng con dấu có yêu cầu thu hồi chính là hành vi vi phạm quyền quản lý của nhà nước về con dấu.

- Mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp con dấu; sử dụng con dấu của Cơ quan, tổ chức khác để hoạt động. Con dấu là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chủ thể đã đăng ký mẫu dấu và việc sử dụng con dấu phải

tuân thủ những quy định pháp lý nhất định nhằm đảm báo giá trị pháp lý của con dấu. Việc chủ thể khác mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp con dấu; sử dụng con dấu của doanh nghiệp hoặc ngược lại để hoạt động là vi phạm quyền sở hữu của doanh nghiệp sở hữu con dấu bị mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp con dấu. Quy định này cho thấy việc sử dụng con dấu luôn phải được thực hiện bởi chủ thể sở hữu con dấu cũng như nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ chế chịu trách nhiệm trong sử dụng con dấu của doanh nghiệp.

- Chiếm giữ trái phép, chiếm đoạt con dấu. Đây chính là hành vi tước đoạt quyền sở hữu của chủ thể sở hữu con dấu một cách cố ý. Tuy nhiên, cần xác định đúng mục đích chiếm đoạt tài sản là con dấu doanh nghiệp: Đây là yếu tố cấu thành bắt buộc của hành vi này. Chiếm đoạt hiện nay tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, nhưng tất cả các quan điểm đều có nội dung cho rằng *"Chiếm đoạt là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp – có thể là là dịch chuyển về mặt pháp lý, có thể là về mặt thực tế, trong đó người chiếm đoạt đã sử dụng biện pháp, phương thức không được pháp luật cho phép tước bỏ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản đang thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp của người đó".* Theo như khái niệm trên thì mọi hành vi dịch chuyển tài sản bất hợp pháp đều phạm tội. Tuy nhiên, thực tế cần phải xem xét nhiều yếu tố khác có liên quan. Trong trường hợp người thực hiện hành vi đó không có mục đích chiếm đoạt thì người đó không phạm tội. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án trộm cắp tài sản việc xác định mục đích chiếm đoạt là vô cùng quan trọng nhằm xác định đúng hành vi phạm tội Chiếm giữ trái phép, chiếm đoạt con dấu.

- Sử dụng con dấu chưa đăng ký mẫu con dấu. Đăng ký mẫu dấu là trách nhiệm của doanh nghiệp phải thực hiện nhằm bảo đảm quyền quản lý về việc sử dụng con dấu doanh nghiệp của nhà nước. Bởi cơ quan nhà nước có

thẩm quyền đóng vai trò quan trọng đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản doanh nghiệp chứa đựng con dấu trong trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc mâu thuẫn có liên quan. Việc sử dụng con dấu chưa đăng ký mẫu dấu không những là hành vi xâm phạm quyền quản lý về sử dụng mẫu dấu của nhà nước mà còn khiến cho giá trị pháp lý của văn bản chứa đựng mẫu dấu không phát huy hiệu lực toàn vẹn.

- Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu. Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu chính là văn bản xác nhận doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ đăng ký mẫu dấu và mẫu dấu của doanh nghiệp nằm dưới sự quản lý hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đồng nghĩa với việc mẫu dấu đó vẫn chưa được đăng ký hợp pháp từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lời của doanh nghiệp sở hữu dấu. Bởi khi con dấu trên thực tế được sử dụng trong các văn bản của doanh nghiệp không phải là con dấu được đăng ký do chứa đựng nội dung sai lệch khi đăng ký thì giá trị pháp lý của con dấu trên thực tế sẽ không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo đảm.

- Đóng dấu lên chữ ký của người không có thẩm quyền. Chữ ký là một trong các thành phần không thể thiếu nhằm giúp cho văn bản doanh nghiệp phát huy giá trị pháp lý. Bởi suy cho cùng văn bản nào được xác lập dưới bất kỳ dạng nào đi chăng nữa cũng là hình thức thể hiện ý chí của con người và chữ ký chính là dấu hiệu cuối cùng của thủ tục xác nhận văn bản đó được hình thành một cách hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ những quy trình nhất định từ nội dung cho đến hình thức thể hiện. Tuy nhiên, không phải bất kỳ chữ ký từ chủ thể nào cũng có thể đảm nhiệm vai trò tối quan trọng này. Ngoài ra đối với mỗi loại văn bản liên quan đến những lĩnh vực khác nhau cần phải được xác nhận từ những chủ thể có hiểu biết chuyên ngành nhất định

nhằm giúp giá trị pháp lý cũng như giá trị sử dụng của văn bản trở nên chặt chẽ, chính xác và đạt được mục đích nhất định mà văn bản đề ra. Đóng dấu được coi là khâu cuối cùng hoạt động xác nhận giá trị pháp lý của văn bản đã được ký duyệt tuy nhiên đóng dấu lên chữ ký của người không có thẩm quyền đồng nghĩa với hai trường hợp: thứ nhất đó là người đóng dấu cố ý thực hiện hoạt động này dù biết rõ người ký không có thẩm quyền ký; thứ hai, người đóng dấu không biết người ký có thẩm quyền ký vào văn bản. Trong trường hợp thứ nhất nếu đã biết rõ người không có thẩm quyền ký đã ký vào văn bản mà người đóng dấu vẫn thực hiện hành vi này điều đó cho thấy mục đích không chính đáng của người đóng dấu. Nhưng dù có rơi vào trường hợp nào thì khi phát sinh tranh chấp hoặc được phát hiện kịp thời, văn bản được đóng dấu doanh nghiệp nhưng do người không có thẩm quyền ký cũng không có giá trị pháp lý.

- Không chấp hành việc kiểm tra con dấu, không xuất trình con dấu khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan đăng ký mẫu con dấu.

- Lợi dụng nhiệm vụ được giao trong quá trình giải quyết thủ tục về con dấu để sách nhiễu, gây phiền hà, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thông thường trên thực tế tranh chấp con dấu phản ánh một dạng tranh chấp điển hình trong nội bộ doanh nghiệp, giữa ban lãnh đạo cũ và mới, ban lãnh đạo (HĐQT/Hội đồng thành viên) và người đại diện theo pháp luật (chủ tịch HĐQT/giám đốc), hoặc giữa các nhóm cổ đông/thành viên nắm quyền chi phối và kiểm soát DN khi các nhóm này có sự xung đột lợi ích trong việc giành quyền kiểm soát công ty. Trong nhiều trường hợp, tranh chấp càng trở nên nóng bỏng, do cách thức xử lý vụ việc của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tòa án).

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về sử dụng con dấu doanh nghiệp hiện nay

2.2.1. Kết quả đạt được trong quá trình áp dụng quy định pháp luật về sử dụng con dấu doanh nghiệp

Giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp dường như là vấn đề được tranh luận sôi nổi khi từ ngày 01/7/2014 các doanh nghiệp được mở rộng quyền tự do, được quyền quản lý và quyết định hình thức con dấu. Theo thống kê của Nhóm Ngân hàng Thế giới (World Bank Group), trong số 189 quốc gia và nền kinh tế được xếp hạng về môi trường kinh doanh tại báo cáo Doing Business: Có 79 quốc gia có thủ tục làm con dấu doanh nghiệp là một trong những thủ tục của quy trình gia nhập thị trường. Trong số này, chỉ có 7 quốc gia quy định bắt buộc doanh nghiệp phải có con dấu (bao gồm: Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, Việt Nam, Myanmar, Triều Tiên, Buhtan), 72 quốc gia còn lại cho phép doanh nghiệp được lựa chọn việc có sử dụng con dấu hay không. Có 110 quốc gia không sử dụng con dấu doanh nghiệp: Canada (từ năm 1971), Anh (từ năm 1989), California – Mỹ (từ năm 1995), Úc (từ năm 1998), Armenia (từ năm 2010), Hy Lạp (từ năm 2013), Hồng Kông (từ tháng 3/2014). Mức độ phổ biến của việc sử dụng con dấu doanh nghiệp như một quy định bắt buộc tỷ lệ nghịch với mức thu nhập và không vượt quá tỷ lệ 50%. Ở nhóm Thu nhập cao, chỉ có 30% số quốc gia coi việc sử dụng con dấu là bắt buộc. Ở các nhóm Thu nhập trên trung bình, Thu nhập dưới trung bình và Thu nhập thấp, tỷ lệ này lần lượt là 41%, 48% và 50%.

Việc thừa nhận giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp cũng đem lại những lợi ích nhất định cho doanh nghiệp bao gồm:

- Tiện lợi trong việc nhận biết với chính nội bộ doanh nghiệp và mọi đối tượng ở bên ngoài doanh nghiệp, do con dấu, được quy chuẩn tương đối cụ thể, thống nhất và điều quan trọng nhất là được Bộ Công an "bảo lãnh".

- Đối tác, người liên quan có thể nhìn vào khuôn dấu, với một hay hai vành tròn, kích cỡ con dấu là 32, 34 hay 36 mm mà suy luận ra Công ty hay đơn vị có hay không có tư cách pháp nhân.

- Dễ dàng trong việc phân biệt văn bản bản chính thức, đã phát hành của doanh nghiệp với các bản nháp, bản chưa công bố, ban hành, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn với hàng trăm chi nhánh, hàng nghìn nhân viên, phát hành hàng vạn văn bản mỗi năm.

Khi Luật doanh nghiệp 2015 được ban hành và có hiệu lực đến nay những quy định mới về cải cách con dấu của doanh nghiệp cho thấy chúng ta đã thay đổi hẳn tư duy về con dấu, về hình thức, số lượng và nội dung con dấu doanh nghiệp, về quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu. Vậy, hiện có những bất cập gì về quản lý và sử dụng con dấu của doanh nghiệp mà bắt buộc phải đòi hỏi phải cải cách mạnh mẽ đến vậy? Theo chúng tôi, có nhiều nguyên nhân, trong đó, một số nguyên nhân chính là:

Một là, tư duy truyền thống đã ăn sâu vào từng người, cho rằng con dấu là "ngọc tỷ", là tài sản quý giá của doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp chỉ có một con dấu duy nhất, ai nắm giữ được con dấu thì người ấy có thể chi phối được cả doanh nghiệp. Tâm lý phổ biến của cộng đồng là bất chấp chữ ký, thẩm quyền của người ký hay các yếu tố liên quan khác, cứ thấy có “dấu đỏ, mực son” là yên tâm. Như thế, con dấu được xem trọng hơn cả chữ ký. Trong khi cái cần căn cứ để xác minh chính xác tính hợp pháp của văn bản lại là chữ ký, thẩm quyền của người ký.v.v. chứ không phải là con dấu và chính con dấu cũng hoàn toàn có thể bị làm giả.

Hai là, theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 thì con dấu phải để ở trụ sở chính của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bên ngoài trụ sở chính, có cơ hội làm ăn, kinh doanh cần ký, đóng dấu ngay, nhưng quy định pháp luật lại bắt buộc phải thực hiện việc đóng dấu ở trụ sở

chính. Mặt khác, nếu có mang con dấu đi thì tại trụ sở chính cũng không có con dấu khác để sử dụng. Đã có trường hợp doanh nghiệp ở huyện Kinh Môn (một huyện miền núi của tỉnh Hải Dương) phản ánh là phải đi suốt ngày đêm từ Quảng Bình về Hải Dương để đóng dấu vào hồ sơ thầu rồi lại phải chạy ngược lại về Quảng Bình ngay để nộp hồ sơ. Trường hợp đóng dấu thiếu, sót.v.v. thì coi như bỏ lỡ một cơ hội làm ăn.

Ba là, Việt Nam đã mở cửa, hội nhập với toàn thế giới, khi mà rất nhiều nước trên thế giới đã không còn sử dụng con dấu theo các quy định cứng do nhà nước đặt ra (về nội dung, hình thức, kích thước, số lượng, quản lý ...) và bắt buộc doanh nghiệp phải tuân thủ theo nữa. Như vậy, cho dù có muốn thì Việt Nam cũng không thể giữ mãi các quy định "đặc thù", khác biệt với các quốc gia khác, làm giảm tính cạnh tranh của nền kinh tế. Được biết, quy định về con dấu của doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp 2014 là gần theo thông lệ của hầu hết các nước khác trên thế giới.

2.2.2. Hạn chế, bất cập trong quá trình áp dụng quy định pháp luật về sử dụng con dấu doanh nghiệp

2.2.2.1. Hạn chế trong nhận thức về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

Tư duy về quản lý và sử dụng con dấu hiện nay hầu như chưa có sự chuyển đổi đáng kể. Với bản chất con dấu là một loại tài sản của doanh nghiệp thì nó có thể chuyển từ “nên có” sang “có thể có” và tiếp cận đến mức cao nhất như ở các nước là “không cần có”. Để chứng minh vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của DN thì ngoài con dấu ra, DN còn nhiều hình thức khác khẳng định điều này (chữ ký, giấy tờ giao dịch có logo của Công ty). Con dấu của DN chỉ là một dấu hiệu nhận dạng DN để phân biệt DN này với DN khác, chứ không cho nó là một biểu hiện pháp lý của DN. Thực tế, con dấu chỉ có tính xác thực, chứ không có ý

nghĩa pháp lý. Con dấu rất dễ bị làm giả và xét về tính xác thực thì nó là loại xác thực kém nhất, nếu so với chữ ký (chữ ký viết tay, chữ ký số), vân tay hay ADN.

Thực tiễn các vụ tranh chấp con dấu DN thời gian qua cho thấy, đòi hỏi phải có sự thay đổi tư duy liên quan đến quản lý con dấu. Theo đó, các trường hợp tranh chấp điển hình là: người đại diện theo pháp luật chiếm dụng con dấu làm tài sản riêng của mình, nên thay vì lưu giữ tại trụ sở chính, thì lại cất ở nhà riêng, mang theo người (vụ tranh chấp tại Bệnh viện đa khoa Tây Đô).

Điển hình vụ việc hồi giữa năm 2009, Bệnh viện Tây Đô (Cần Thơ) cũng gây lùm xùm với việc tranh chấp con dấu giữa các thành viên góp vốn với ông Diệp Thanh Bình, Chủ tịch Hội đồng thành viên Bệnh viện. Thanh tra Sở Kế hoạch - Đầu tư TP. Cần Thơ đã tiến hành thanh tra và kết luận ông Bình có nhiều vi phạm. Trong 20 vấn đề kiến nghị xử lý, đoàn thanh tra yêu cầu Bệnh viện Tây Đô phải đăng ký kinh doanh lại và chuyển đổi DN từ hình thức TNHH sang cổ phần. Sau đó, ông Bình không khắc phục mà còn mang con dấu về nhà. Các bên tranh chấp khởi kiện ra Tòa, tháng 3/2012, Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP. HCM tuyên hủy hai giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 7/6/2007 và ngày 30/5/2011 do Sở Kế hoạch - Đầu tư cấp cho Công ty TNHH Bệnh viện Tây Đô và cơ quan chức năng TP. Cần Thơ cũng tiến hành thu hồi con dấu của Công ty. Tháng 5/2012, nhiều thành viên góp vốn tổ chức đại hội, cử người đại diện pháp luật để làm thủ tục đăng ký DN. Nhưng hồ sơ bị Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch - Đầu tư Cần Thơ trả lại với lý do chỉ ông Diệp Thanh Bình mới có quyền triệu tập cuộc họp, bởi ông này vẫn là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Bệnh viện dựa trên giấy đăng ký kinh doanh trước đó. Do không có con dấu, chưa có giấy đăng ký kinh doanh mới nên tới nay, Bệnh viện Tây Đô không thể đề nghị Bộ

Y tế cấp giấy phép khám chữa bệnh có giá trị vĩnh viễn hoặc tạm thời gia hạn hoạt động.

Vụ tranh chấp con dấu kéo dài hơn 3 năm tại CTCP Hữu Nghị Hà Nội, khi cựu Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty kiên quyết không bàn giao con dấu cho HĐQT mới sau ĐHCĐ hợp pháp vào tháng 10/2002 và dùng con dấu này để nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, gây thiệt hại cho Công ty. Vụ việc tranh chấp này trở nên phức tạp khi Công an TP. Hà Nội vào khám xét và khởi tố vụ án hình sự, với tội danh "Chiếm đoạt con dấu" tại công ty này theo Điều 268, Bộ luật Hình sự.

Tương tự, tại CTCP Du lịch khách sạn Bạch Đằng - Hải Phòng, HĐQT mới phải kiện HĐQT cũ ra tòa để yêu cầu HĐQT cũ bàn giao con dấu và phải trải qua nhiều cấp xét xử, HĐQT mới giành được quyền quản lý sử dụng con dấu hợp pháp của mình.

Hay vụ tranh chấp con dấu giữa các thành viên HĐQT CTCP Đay Sài Gòn đã khiến cho Tòa án phải tiến hành áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cưỡng chế giao nộp con dấu từ người đại diện theo pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn. Theo đó, trước khi tòa có quyết định khác, mọi nghiệp vụ đóng dấu văn bản, giấy tờ của Công ty Đay Sài Gòn đều được thực hiện tại cơ quan thi hành án…

Gần đây nhất, ngày 8/1/2012, một nhóm cổ đông CTCP Đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng đã táo tợn phá khóa đánh cắp những con dấu quan trọng của Công ty. Khi bị phát hiện, đối tượng chiếm giữ con dấu trái phép còn chống lệnh tòa và bất chấp thi hành án gây bức xúc dư luận. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng lại có thông báo trả lời người tố cáo về việc "không khởi tố vụ án" vì cho rằng, hành vi trái phép ấy không phạm vào điều 268 Bộ luật Hình sự vì CTCP Đầu tư và phát triển kim khí là doanh nghiệp thuộc tổ chức kinh tế, con dấu của Công ty không

được xác định là con dấu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Ngày 24/7/2012, TAND quận Lê Chân (Hải Phòng) đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thu hồi con dấu trả lại cho Công ty nhằm tránh hậu quả xấu của việc sử dụng con dấu trái pháp luật. Do các đối tượng chiếm dụng con dấu không chấp hành nên ngày 15/8/2012, Chi cục Thi hành án quận Lê Chân có Công văn số 440/CV-THA và Cục Quản lý hành chính về TTXH - Bộ Công an đã có công văn về việc chấm dứt giá trị pháp lý con dấu của CTCP Đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng và cho làm thủ tục khắc lại con dấu, cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho công ty này sử dụng. Đến tháng 9/2012, Công ty mới được cấp lại con dấu để hoạt động.

Thực trạng này cho thấy các doanh nghiệp cũng như công tác quản lý sử dụng con dấu hiện nay vẫn quá phụ thuộc, đề cao giá trị, trao cho con dấu quyền năng quá mức trong việc quyết định hầu như mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Và điều đó hạn chế không nhỏ khả năng hoạt động trơn chu và phát triển trên thị thường của doanh nghiệp.

2.2.2.2. Hạn chế quy định pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp hiện hành

Giá trị pháp lý của con dấu đối với doanh nghiệp đang được quy định trong rất nhiều đạo luật và văn bản dưới luật. Tuy nhiên, việc đề cao giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp của một số văn bản pháp luật tồn tại sự không phù hợp, thậm chí mâu thuẫn trái ngược với quy định của pháp luật về giao dịch và chữ ký điện tử theo một loạt văn bản như: Theo điều 34 Luật Giao dịch điện tử 2005 quy định: *Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu*. Vậy trong một hợp đồng điện tử con dấu cần được thể hiện như thế nào mới không làm ảnh hưởng tới giá trị pháp lý của loại hợp đồng này? Hay quy định tại Khoản 1 Điều 119 BLDS 2015: *Giao dịch dân sự thông qua phương*

tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản. Điều đó cho thấy quy định bắt buộc phải có con dấu trong một số văn bản, giao dịch mâu thuẫn hoàn toàn với quy định thừa nhận giá trị pháp lý của những văn bản được định dạng đặc biệt trong thực tế công nghệ phát triển về kỹ thuật số hiện nay đó chính là hợp đồng điện tử - loại hợp đồng không thể "đóng dấu" trực tiếp lên đó.

Việc thu hẹp giá trị pháp lý của con dấu trong pháp luật doanh nghiệp hiện nay bên cạnh việc không hề ảnh hưởng gì đối với một số quy định liên quan, thì vẫn còn tồn tại một số quy định pháp luật mâu thuẫn với quy định này. Cụ thể:

- Khoản 18 Điều 4 Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005 Chữ ký của người đại diện của tổ chức trên công cụ chuyển nhượng phải kèm theo việc đóng dấu.

- Khoản 3 Điều 33 Luật Luật sư năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định Văn phòng luật sư có con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật.

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 quy định Có con dấu mang tên Chi nhánh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khoản 5 Điều 124 quy định Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài theo đó Có con dấu mang tên văn phòng theo quy định của pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp.

- Khoản 2 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 quy định Người làm đơn yêu cầu thi hành án phải ghi rõ ngày, tháng, năm và ký tên hoặc điểm chỉ; trường hợp là pháp nhân thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của pháp nhân.

- Khoản 4 Điều 43 Luật Các TCTD năm 2010 sửa đổi 2014 quy định Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Khoản 5 Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012 quy định Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức. Điểm d Khoản 3 Điều 31 Bản vẽ thiết kế của tổ chức thiết kế hợp pháp thể hiện được vị trí mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điển hình; mặt bằng móng của công trình có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư xây dựng công trình quảng cáo.

- Khoản 2 Điều 64 Luật Xây dựng năm 2014 quy định Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án có con dấu, tài khoản, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền của chủ đầu tư.

Thực tế này cho thấy yêu cầu cần hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp cần được đặt ra trong giai đoạn phát triển, cải cách, đổi mới đất nước thời gian sắp tới nhất là thời điểm nên kinh tế thị trường xu hướng toàn cầu, hội nhập hiện nay.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở những vấn đề lý luận chung về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp được phân tích tại chương 1, chương 2 đi vào phân tích các quy định pháp luật cụ thể về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp. Những quy định pháp luật này đã góp phần xây dựng những cơ sở pháp lý để xử lý những vấn đề phát sinh xung quanh các giao dịch do doanh nghiệp xác lập cũng như bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ.

Nhìn chung, các quy định về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp mới được sửa đổi tại Luật doanh nghiệp 2014 cũng như mới đi vào thực tiễn áp dụng cũng đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu vẫn tồn tại một số bất cập, mâu thuẫn cần được nghiên cứu,

giải quyết và làm rõ trong thời gian tới như: chưa ban hành quy định pháp luật cụ thể khẳng định giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp; còn tồn tại các quy định pháp luật mâu thuẫn với quy định về quản lý, sử dụng con dấu doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2014 hiện hành… Chương 3 sẽ đi vào làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật này để từ đó đưa ra được mục tiêu, phương hướng hoàn thiện một cách hiệu quả nhất.

Chương 3
PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

3.1. Định hướng chung

Kỷ nguyên công nghệ – cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra với nhịp độ nhanh có những tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới. Tại Việt Nam, một mặt, cuộc cách mạng này sẽ đem đến cơ hội to lớn cho các doanh nghiệp và ngành nghề có sự chuẩn bị năng lực tốt để tận dụng cơ hội. Mặt khác, đó là thách thức cho nền kinh tế nói chung, một số ngành nghề không phù hợp và các doanh nghiệp thích nghi chậm với bối cảnh mới. Công nghệ phát triển kéo theo xu hướng thương mại điện tử lan tỏa.

Tại Việt Nam xu hướng ứng dụng Thương Mại Điện Tử đã bắt đầu. Thị trường Thương Mại Điện Tử tại Việt Nam được đáng giá là phát triển khá tốt và sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tới. Rất nhiều các công ty nước ngoài đã đổ vốn đầu tư vào Việt Nam bởi họ nhận thấy đây chính là thị trường tiềm năng cao trong tương lai không xa. Nghành nghề này hiện nay phát triển mạnh trên nhiều lĩnh vực như thương mại di động, thương mại xã hội… Thương Mại Điện Tử trở thành xu hướng tất yếu không chỉ với Việt Nam mà với toàn thế giời. Tuy chúng ta là nước đi sau về Thương Mại Điện Tử nhưng đà phát triển thì đang tăng vọt rõ rệt. Các doanh nghiệp lớn của Việt Nam đang chuyển mình dần theo xu thế thời đại Công nghệ thông tin này, và ngoài việc kinh doanh offline truyền thống họ bắt đầu kinh doanh Online, lập website, trang fanpage... và kinh doanh trên môi trường Internet với lượng khách hàng khổng lồ mà kinh doanh truyền thống không có được. Và đây chính là một trong những xu hướng ảnh hưởng trực tiếp tới giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp bởi một khi các giao dịch được xác lập, xử lý trực tiếp

trong môi trường internet thì con dấu doanh nghiệp chính là cản trở cho tiến trình giao dịch trở nên nhanh chóng, thuận tiện và có lợi cho đôi bên trong giao dịch.

Doanh nghiệp được coi là lực lượng chủ yếu tạo ra sản phẩm, lợi nhuận cho nền kinh tế của mọi quốc gia, cũng như tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Do đó, khi nhà nước quyết định chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, định hướng cho xã hội chủ nghĩa, pháp luật về doanh nghiệp luôn được coi trọng, đổi mới để phù hợp với nền kinh tế thế giới ngày càng phát triển và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam ngày một phát triển hơn.

Tuy nhiên bộ luật Doanh nghiệp năm 2014 vẫn còn những thiếu sót bất cập nêu trên về chế định giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp phần nào gây phiền hà và tốn kém thời gian cho doanh nghiệp. Liên quan tới giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp với những quy định còn thiếu đồng bộ gây khó khăn cho công việc quản lý doanh nghiệp còn nhiều phức tạp, chồng chéo làm cho chi phí thực hiện tăng thêm trong khi đó hiệu quả kinh doanh lại không cao. Chính vì vậy mà năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng xấu, hạn chế quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường ngày một phát triển hiện nay.

Chính vì những hạn chế đó, yêu cầu chung ta cần sửa đổi quy định về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp nhằm phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường Toàn cầu với mục tiêu chung làm cho các giao dịch của doanh nghiệp trở thành một công cụ kinh doanh an toàn, thuận tiện, năng động hơn và hấp dẫn các nhà đầu tư hơn. Qua đó chúng ta sẽ thu hút được các nguồn lực và vốn đầu tư nhiều hơn vào sản xuất, kinh doanh giúp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế.

Trước những yêu cầu cấp thiết được đặt ra, pháp luật doanh nghiệp cùng các văn bản có liên quan đến chế định giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp cần sửa đổi theo hướng giải quyết được 6 mục tiêu đề ra là.

- Tạo những đột phá mới phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần thay đổi phương thức giao dịch truyền thống lạc hậu, nâng cao năng lực cạnh tranh công bằng, minh bạch trong môi trường đầu tư kinh doanh, nhằm phát huy nguồn nội lực từ trong nước và thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

- Tạo thuận lợi hơn trong việc xác lập giao dịch của doanh nghiệp giúp cho quá trình này trở nên năng động, phù hợp với xu hướng thương mại điện tử ngày nay.

- Tạo thuận lợi, giảm chi phí, tạo cơ chế hoạt động linh hoạt, hiểu quả trong việc sử dụng con dấu doanh nghiệp.

- Bảo vệ tốt hơn về quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông và các thành viên tham gia doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Qua các định hướng nêu trên chúng ta có thể nhận thấy rằng nhà nước đang chú trọng và quan tâm tới doanh nghiệp, tạo điều kiện, môi trường kinh doanh cạnh tranh công bằng để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

3.2. Các giải pháp cụ thể hoàn thiện quy định pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

3.2.1. Hoàn thiện về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

Mặc dù vẫn còn những điểm không rõ ràng và có không ít hạn chế trong thời gian đầu thực thi Luật doanh nghiệp 2014 liên quan đến vấn đề con dấu doanh nghiệp (như chưa xác định doanh nghiệp có bắt buộc có con dấu hay không, nhiều quy định của pháp luật hiện hành vẫn bắt buộc doanh nghiệp phải sử dụng con dấu...) nhưng nhìn chung đây là một trong những cải

cách tích cực nổi bật của LDN - trao quyền tự quyết nhiều hơn cho doanh nghiệp và tạo tiền đề để có thể bỏ hẳn việc lệ thuộc vào con dấu doanh nghiệp trong một tương lai không xa.

Tuy vậy, qua thực tế một năm thực hiện LDN, dường như các doanh nghiệp vẫn chưa tận dụng triệt để cải cách tiến bộ này, chưa có nhiều sự thay đổi, chuyển biến rõ nét, tích cực về việc quản lý và sử dụng con dấu doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp vẫn còn phụ thuộc vào hình thức, nội dung của con dấu theo quy định cũ. Tuyệt đại đa số trong hơn 14.000 mẫu dấu của doanh nghiệp (kể cả chi nhánh, văn phòng đại diện) được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hiện nay vẫn là con dấu tròn với đường kính 34-36 mi li mét, màu mực dấu vẫn là màu mực đỏ, vẫn chừng ấy những thông tin về tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ công ty theo cấp quận/huyện, tỉnh/thành phố. Hầu như rất ít doanh nghiệp "dám" chủ động tạo cho mình một con dấu mang tính khác biệt và đặc trưng hơn, rất ít doanh nghiệp đưa logo, biểu tượng, hình ảnh vào con dấu của doanh nghiệp mình, trong khi cơ chế pháp lý đã có.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp vẫn chưa thoát khỏi thói quen phụ thuộc vào con dấu. Theo quy định hiện hành, trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp phải đóng dấu trong một số văn bản (trong một số biểu mẫu kế toán, thuế...) nên doanh nghiệp nào vẫn cần có con dấu. Và khi đã có con dấu thì trong hầu hết các văn bản khác, doanh nghiệp vẫn cứ đóng dấu để... yên tâm. Điều này cũng là dễ hiểu vì nếu doanh nghiệp không đóng dấu thì đối tác hoặc các cơ quan tiếp nhận văn bản của doanh nghiệp sẽ thắc mắc và hỏi lại, bởi chưa có nhận thức đồng bộ trong việc thay đổi thói quen sử dụng con dấu giữa các doanh nghiệp với nhau và giữa doanh nghiệp với cán bộ, cơ quan nhà nước.

Với kết quả thực thi như vậy, những đổi mới về con dấu doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ không đạt được kết quả như mong đợi. Nguyên nhân một phần là các doanh nghiệp ngại thay đổi nhưng một phần cũng là do cải cách của Luật doanh nghiệp mặc dù có tiến bộ nhưng chưa thật sự triệt để. Điều này cho thấy nhà nước cần quán triệt cũng như tích cực tiến hành thực hiện những chương trình cải cách, tuyền truyền pháp luật nhằm hoàn thiện tư duy của doanh nghiệp về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp sao cho phù hợp với pháp luật hiện hành. Các doanh nghiệp cần hiểu rằng con dấu của doanh nghiệp là do doanh nghiệp tự làm, tự quản lý và tự quyết định mục đích sử dụng. Con dấu sẽ không còn được coi là dấu hiệu quan trọng nhất để xác định giá trị pháp lý của các văn bản. Điều quan trọng hơn là phải nhìn vào thực chất nội dung của các văn bản, giấy tờ giao dịch chứ không phải chỉ nhìn vào con dấu. Con dấu sẽ mang ý nghĩa dấu hiệu nhận biết của doanh nghiệp hơn là một yếu tố có tính pháp lý.

Khi không còn con dấu, một điều tất yếu diễn ra khi xác lập các giao dịch của doanh nghiệp là người dân sẽ không dễ dàng chấp nhận một văn bản, một hợp đồng, một giao dịch với các doanh nghiệp mà chỉ có chữ ký. Người dân và các doanh nghiệp sẽ phải cẩn trọng hơn khi xem xét các giao dịch, hợp đồng. Sẽ không có tình trạng người giữ con dấu có thể lạm dụng, lợi dụng con dấu để thực hiện những hành vi phi pháp. Khi con dấu không còn hoặc không có vị trí pháp lý như hiện nay, doanh nghiệp cũng tránh được những rủi ro khác liên quan đến con dấu.

Xét về mặt cải cách hành chính và môi trường kinh doanh, việc bỏ con dấu có tác dụng tích cực. Theo tiêu chí đánh giá môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, chỉ số gia nhập thị trường của Việt Nam đứng ở vị trí 108 (dưới trung bình). Nếu bỏ được con dấu doanh nghiệp sẽ bỏ được hai thủ tục hành chính: Khắc dấu và làm dấu. Như thế chất lượng và môi trường kinh

doanh tại Việt Nam dưới con mắt quốc tế sẽ được cải thiện đáng kể. Đồng thời, cải cách hành chính cũng có tín hiệu tích cực đối với doanh nghiệp.

3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

Như đã đề cập ở những phân tích nêu trên thì hiện nay pháp luật hiện hành vẫn chưa xây dựng quy định pháp luật khẳng định về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp. Điều này dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong áp dụng pháp luật của doanh nghiệp khi xác lập các giao dịch thương mại trên thực tế. Cho nên tác giả kiến nghị các nhà làm luật cũng như cơ quan có thẩm quyền tiến hành nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định hoặc văn bản pháp luật khẳng định rõ con dấu không phải là yếu tố khẳng định giá trị pháp lý của văn bản, giấy tờ như hiện nay. Một tài liệu, chứng từ không thể đồng thời dựa vào cả hai yếu tố pháp lý ngang ngửa nhau là chữ ký và con dấu. Chữ ký phải là quyết định, con dấu chỉ là xác nhận cho chữ ký. Không đóng dấu, tức là chưa xác nhận nhưng vẫn không thể bác bỏ tính pháp lý của chữ ký. Làm rõ được điều này thì có hay không có việc đóng dấu cũng không phải là vấn đề quan trọng.

Và theo đó, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến việc sử dụng con dấu cũng cần được sửa đổi, bổ sung để đi đến thống nhất với những quy định về giá trị pháp lý con dấu doanh nghiệp kiến nghị ban hành nêu trên. Những quy định nào trái với quy định này cần được loại bỏ nhằm giúp cho doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực, ngành nghề có cách hiểu thống nhất trong việc sử dụng con dấu doanh nghiệp.

3.2.3. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế đảm bảo giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp

Thứ nhất, đẩy mạnh việc tuyên truyền bản chất của các quy định về con dấu của doanh nghiệp nói riêng cũng như tuyên truyền, phổ biến Luật Doanh

nghiệp 2014 nói chung. Hiện không ít phương tiện truyền thông do trích dẫn không đầy đủ có thể dẫn đến hiểu sai như: Sau ngày 01/7/2015 được tự do kinh doanh, muốn kinh doanh cái gì cũng được, miễn không cấm (theo quy định là không cấm nhưng phải có đủ điều kiện mới được kinh doanh); bỏ con dấu (theo quy định là doanh nghiệp được tự quyết về con dấu và quản lý, sử dụng con dấu).

Thứ hai, phải lấy chữ ký, thẩm quyền ký, thẩm quyền ban hành văn bản là những căn cứ quan trọng nhất để xác định tính hợp lệ, hợp pháp của văn bản. Do vậy, các đối tác khi thực hiện giao dịch luôn phải có ý thức cao để tự bảo vệ chính mình, tìm hiểu thông tin kỹ lưỡng về đối tác khi thực hiện bất cứ một giao dịch với ai hay ký kết một văn bản nào. Đối với những công việc, hợp đồng quan trọng, nên sử dụng tư vấn từ các luật sư, các chuyên gia pháp lý.

Thứ ba, khi được Luật trao quyền tự chủ về con dấu rồi thì hơn ai hết, các doanh nghiệp phải tự xây dựng quy định, quy chế chặt chẽ để làm sao một mặt đáp ứng được yêu cầu tự do sử dụng, đạt hiệu quả cao nhất nhưng đồng thời đảm bảo được quyền quản lý con dấu, sự an toàn của chính doanh nghiệp. Việc cho phép tự do, thoải mái tự quy định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu không bao giờ đồng nghĩa với việc quản lý lỏng lẻo, sử dụng tùy tiện, bừa bãi muốn làm bao nhiêu con dấu cũng được nhưng lại không có cơ chế quản lý hiệu quả gây nên những hậu quả không đáng có.

Thứ tư, tăng cường thực hiện chữ ký số, giao dịch điện tử, thay đổi thói quen sử dụng văn bản bằng giấy như hiện nay. Thường xuyên tìm hiểu thông tin về doanh nghiệp nói chung, tìm hiểu về mẫu dấu của doanh nghiệp nói riêng trước khi làm ăn, ký kết văn bản, hợp đồng giao dịch. Các thông tin về doanh nghiệp, mẫu con dấu doanh nghiệp.v.v. sẽ được đăng tải đầy đủ tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Thứ năm, thẩm quyền xử lý vi phạm về con dấu theo quy định mới đã được chuyển cho hai cơ quan có thẩm quyền giải quyết là trọng tài và tòa án, việc này đảm bảo một cơ chế xử lý với những hành vi cố tình vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý và dụng con dấu doanh nghiệp như hành vi lừa đảo, gian dối liên quan đến giả mạo chữ ký, giả mạo con dấu, sử dụng con dấu không đúng thẩm quyền.

Thứ sáu, với quy định mới về con dấu doanh nghiệp thì thực tiễn xét xử của tòa án đối với các tranh chấp sẽ phức tạp hơn rất nhiều trước kia khi xét về khía cạnh thẩm quyền tham gia ký kết các hợp đồng, các loại văn bản giấy tờ. Trước đây bắt buộc phải có chữ ký và con dấu thì nay các doanh nghiệp được chủ động quy định có sử dụng hay không sử dụng con dấu, một mặt là thông thoáng cho doanh nghiệp nhưng mặt khác lại gây nhiều khó khăn cho hệ thống cơ quan xét xử. Chính vì vậy, đòi hỏi đội ngũ thẩm phán làm nhiệm vụ xét xử phải luôn cập nhật các quy định mới của pháp luật cũng như nâng cao năng lực chuyên môn, hoàn thiện kỹ năng, nghiệp vụ xét xử để đưa ra những bản án đúng người, đúng tội, hạn chế đến mức tối đa các hành vi vi phạm pháp luật. Tạo hành lang pháp lý và môi trường cạnh tranh cho sự phát triển của các doanh nghiệp.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở quán triệt định hướng chung về hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp luận văn đã đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của các quy định hiện hành. Các giải pháp bao gồm: Hoàn thiện nhận thức pháp luật về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp trong doanh nghiệp; Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp đặc biệt cần ban hành quy định pháp luật khẳng định giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp đồng thời

sửa đổi, cần đẩy nền công nghiệp 4.0 đi kiệp sự phát triển kinh tế cùng các nền công nghiệp thế giới, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan; Xây dựng và hoàn thiện cơ chế đảm bảo giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp như: đẩy mạnh việc tuyên truyền bản chất của các quy định về con dấu của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải tự xây dựng quy định, quy chế sử dụng và quản lý con dấu doanh nghiệp một cách chặt chẽ, tăng cường thực hiện chữ ký số, giao dịch điện tử, thay đổi thói quen sử dụng văn bản bằng giấy như hiện nay…

KẾT LUẬN

Chế định giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp với tư cách là một chế định dân sự độc lập có một vai trò góp phần quan trọng không nhỏ trong toàn bộ hệ thống luật dân sự. Giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp là khả năng mà phương tiện sử dụng để đóng dấu vào các văn bản, tài liệu của doanh nghiệp được pháp luật công nhận và bảo hộ trong quá trình sử dụng. Như vậy con dấu doanh nghiệp được trao cho quyền năng khá rộng trong việc xác định giá trị pháp lý của văn bản chứa đựng con dấu. Tuy nhiên, sau khi Luật doanh nghiệp 2014 được ban hành thì chế định về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp có những thay đổi khá quan trọng. Theo đó các văn bản pháp luật có liên quan thì việc đóng dấu trong văn bản, tài liệu của doanh nghiệp được thực hiện dựa trên thỏa thuận giữa các bên có liên quan tới nội dung của văn bản.

Sau một thời gian dài kể từ khi Luật doanh nghiệp 2014 được ban hành và đi vào thực tiễn, đồng thời hiện hữu nhu cầu hội nhập với nền kinh tế trên thế giới cho thấy việc sử dụng con dấu bắt buộc trong giao dịch của doanh nghiệp đã trở nên lỗi thời hạn chế khả năng phát triển cũng như cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường thương mại điện tử. Bên cạnh ấy cũng phải khẳng định rằng thách thức cho chúng ta vẫn còn ở phía trước khi mà chúng ta còn đang chưa khẳng định được mình có đủ mọi điều kiện để đáp ứng yêu cầu của một hệ thống pháp luật hiện đại và hội nhập cao hơn. Mặc dù pháp luật doanh nghiệp đã có những quy định vấn đề này nhưng một số vấn đề về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp còn quy định chung chung và chưa rõ cho nên khi đi vào giải quyết các vụ việc cụ thể vẫn còn gây ra nhiều vướng mắc hoặc giải quyết chưa được thống nhất. Với tư cách là một luận văn cao học, ngoài nhiệm vụ nghiên cứu các khái niệm cơ bản, còn tập trung phân tích các quy định của pháp luật trong các trường hợp cụ thể. Đề tài cung

tiến hành nghiên cứu đánh giá tình hình áp dụng pháp luật trong vấn đề này. Đây được coi là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu và áp dụng pháp luật khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ giao dịch giữa doanh nghiệp với các chủ thể khác trong thực tiễn.

Việc nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp, tác giả đã đề cập và chỉ ra một số vướng mắc từ các quy định của pháp luật, gây khó khăn cho hoạt động áp dụng pháp luật. Đồng thời, tác giả cũng nhận thấy những khó khăn trong việc nhận thức cởi mở hơn về giá trị pháp lý của con dấu doanh nghiệp. Vì vậy, tác giả đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp như phần trên đã đề cập. Tuy rằng, những phương hướng, giải pháp mà tác giả đã đề xuất chưa đầy đủ, nhưng với hy vọng rằng các phương hướng, giải pháp đó không nhằm ngoài mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong mối quan hệ hài hoà với lợi ích của Nhà nước và suy cho cùng chính là việc bảo vệ tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật ở nước ta.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như Bích (2013)*"*Về việc xác định thẩm quyền xử lý đối với hành vi vi phạm về quản lý và sử dụng con dấu liên quan đến tranh chấp trong nội bộ công ty*",* Tạp chí *Tòa án nhân dân Số* 15/2013, tr. 21 – 26.

2. Bộ công an (2010) *Thông tư 07/2010/TT-BCA Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2009/NĐ-CP 01/4/2009 ngày ban hành,* Hà Nội;

3. Bộ kế hoạch và đầu tư (2016) *Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT Quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp* ngày ban hành 19/10/2015 Hà Nội;

4. Chính phủ (2009) *Nghị định 31/2009/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 về quản lý và sử dụng con dấu ngày ban hành 24/8/2001*, Hà Nội;

5. Chính phủ (2016) *Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệpcó hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2015*, Hà Nội;

6. Chính phủ (2016) *Nghị định 99/2016/NĐ-CP Về quản lý và sử dụng con dấu*, Hà Nội;

7. Chính phủ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, Hà Nội;

8. Chính phủ Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư còn quy định*Chỉ được đóng dấu vào những văn bản, giấy tờ sau khi đã có chữ ký của người có thẩm quyền*. Điều này cho thấy giá

trị pháp lý của chữ ký người có thẩm quyền trong doanh nghiệp có giá trị quyết định cao hơn so với văn bản chỉ có con dấu doanh nghiệp

9. Bộ nội vụ Thông tư số 01/2011/TT-BNV*ngày 19 tháng 01 năm 2011* về việc hướng dẫn thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính và bản sao văn bản, được áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân

10. Quốc hội (2014), *Luật công chứng 2014*, Hà Nội;

11. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp 2014*, Hà Nội;

12. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư 2014*, Hà Nội;

13. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự 2015*, Hà Nội;

14. Quốc hội (2015), Luật kế toán 2015, Hà Nội;

15. Quốc hôi (2005), Luật các công cụ chuyển nhượng 2005 Hà Nội;

13. Quộc hội (2005), Luật giao dịch điện tử 2005 Hà Nội;

14.Quốc hội (2001), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư 2012, Hà Nội;

15. Quốc hội (2006), Luật hàng không dân dụng Việt Nam 2006, Hà Nội;

16.Quốc hội (2010), Luật Các tổ chức tín dụng 2010 Hà Nội;

17.Quốc hội (2012), Luật Quảng cáo 2012 Hà Nội;

18.Quốc hội (2014), Luật xây dựng năm 2014 Hà Nội;

19. Quốc hội (2015) Bộ luật hình sự (Bổ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung Năm 2017), Hà nội

20. Võ Trung Tín, Kiều Anh Vũ (2016) *"Bàn về con dấu của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các quy định khác có liên quan"*, Tạp chí *Khoa học pháp lý* Số 2/2016, tr. 33 – 42.

21. Nguyễn Tuấn Vũ (2016) *"Quyền của doanh nghiệp đối với con dấu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* Số 3/2016, tr. 56 – 61.